

2026



FROM |  **arizona**
complete health.

Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Arizona Complete Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường. Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Áp dụng một số giới hạn về độ tuổi và giới tính.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc "chuyên khoa" dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống "chuyên khoa" hoặc "bệnh máu khó đông" của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.
- Bậc 6** - Bảo hiểm cho bậc này dành cho thuốc điều trị ung thư hoặc thuốc chống ung thư. Khoản chia sẻ chi phí được thiết lập tương đương với khoản chia sẻ chi phí quyền lợi y tế của hội viên.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu "Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày" cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
<i>SUNOSI 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>SUNOSI 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
			RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA			
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG</i>	3	QL(8 EA daily); PA			
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
<i>EMVERM CHEW</i>	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)
BEVESPI AEROSPHERE	2	
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	2	QL(2 EA daily); PA	lamotrigine CHEW 5 MG	1B	QL(100 EA daily)
BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)	2	QL(8 EA daily); PA	lamotrigine TABS	1B	
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	lamotrigine TBDP	1B	QL(1 EA daily)
carbamazepine CHEW 100 MG	1B		levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML	1B	QL(30 ML daily)
carbamazepine CP12 100 MG	1B		levetiracetam TABS 500 MG	1B	QL(6 EA daily)
carbamazepine CP12 300 MG	1B	QL(4 EA daily)	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine CP12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	levetiracetam TABS 1000 MG	1B	QL(3 EA daily)
carbamazepine SUSP	1B		levetiracetam TB24	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine TABS	1B		oxcarbazepine SUSP	1B	QL(40 ML daily)
carbamazepine TB12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	1B	QL(3 EA daily)
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	1B	QL(4 EA daily)	oxcarbazepine TABS 600 MG	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	1B	QL(3 EA daily); ST
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG	1B	QL(2 EA daily); ST
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	pregabalin SOLN	1B	QL(30 ML daily); ST
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	primidone 50 MG, 250 MG	1B	
EPIDIOLEX	3	PA	rufinamide SUSP	1B	QL(80 ML daily); PA
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	1B	QL(2 EA daily); ST	rufinamide TABS 400 MG	1B	QL(8 EA daily); PA
gabapentin CAPS	1B		rufinamide TABS 200 MG	1B	QL(2 EA daily); PA
gabapentin SOLN	1B	QL(60 ML daily)	TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	2	
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	1B		TEGRETOL TABS (carbamazepine)	2	
lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	1B	QL(40 ML daily)	topiramate CPSP 25 MG	1B	QL(8 EA daily)
lacosamide TABS	1B	QL(2 EA daily)	topiramate CPSP 15 MG	1B	QL(6 EA daily)
lamotrigine CHEW 25 MG	1B	QL(20 EA daily)	topiramate CS24	3	PA
			topiramate TABS 50 MG	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
<i>DILANTIN (phenytoin sodium extended)</i>	2	
<i>DILANTIN</i>	2	
<i>DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ZARONTIN CAPS (ethosuximide)</i>	2	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN IV 100 MG/ML, 500 MG/5ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
<i>EMSAM</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>MARPLAN</i>	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
<i>SPRAVATO (56 MG DOSE)</i>	4	PA
<i>SPRAVATO (84 MG DOSE)</i>	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A		<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B		<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B		<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B		<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B		<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B		ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B		Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B		<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B		<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Serotonin Modulators			Antidiabetic Combinations		
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA	<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B		<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B		<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B		<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B		JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
Tricyclic Agents					
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A				
<i>amoxapine</i>	1B				
<i>clomipramine hcl</i>	1B				
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B				
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B				
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B				
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	QL(2.5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	
NOVOLOG SOLN IJ	1B	
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	
TRESIBA SOLN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BONJESTA TBCR	3	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antihistamines - Piperidines		
<i>cycloheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cycloheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	QL(8 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMEYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>ifosfamide SOLR</i>	6	SP; PA
Alkylating Agents			IFOSFAMIDE SOLR	6	PA
BELRAPZO SOLN	6	PA	KEMOPLAT SOLN	6	PA
BENDAMUSTINE HCL SOLN	6	PA	LEUKERAN	6	SP; PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	6	SP; PA	<i>lomustine</i>	6	PA
BENDEKA SOLN	6	PA	<i>melphalan</i>	1B	
<i>busulfan SOLN</i>	6	SP; PA	<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
BUSULFEX SOLN (<i>busulfan</i>)	6	SP; PA	MYLERAN TABS	6	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	6	SP; PA	<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	6	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML</i>	6	PA	<i>oxaliplatin SOLR</i>	6	PA
<i>carmustine</i>	6	SP; PA	TEMODAR SOLR	6	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	6	SP; PA	<i>temozolomide CAPS</i>	6	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200 MG/200ML</i>	6	PA	TEPADINA 15 MG (<i>thiotepa</i>)	6	SP; PA
CISPLATIN SOLR	6		TEPADINA 100 MG (<i>thiotepa</i>)	6	PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	6	PA	<i>thiotepa 15 MG</i>	6	SP; PA
<i>cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML</i>	6		<i>thiotepa 100 MG</i>	6	PA
CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML	6		TREANDA SOLR (<i>bendamustine hcl</i>)	6	SP; PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	6	SP; PA	VIVIMUSTA SOLN	6	PA
EVOMELA IV	6	PA	YONDELIS	6	PA
GLEOSTINE (<i>lomustine</i>)	6	PA	ZANOSAR	6	SP; PA
IFEX SOLR	6	PA	ZEPZELCA	6	PA
IFEX SOLR (<i>ifosfamide</i>)	6	SP; PA	Antimetabolites		
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	6	SP; PA	ALIMTA SOLR 500 MG (<i>pemetrexed disodium</i>)	6	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 3 GM/60ML</i>	6	PA	ALIMTA SOLR 100 MG (<i>pemetrexed disodium</i>)	6	PA
			ARRANON (<i>nelarabine</i>)	6	SP; PA
			AVGEMSI SOLN 1 GM/26.3ML, 2 GM/52.6ML	6	PA
			<i>azacitidine SUSR</i>	6	SP; PA
			<i>capecitabine</i>	6	SP; PA
			<i>cladribine 10 MG/10ML</i>	6	PA
			<i>clofarabine</i>	6	SP; PA
			CLOLAR (<i>clofarabine</i>)	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cytarabine SOLN</i>	6	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML</i>	1B	
<i>cytarabine SOLN 20 MG/ML</i>	6	PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>decitabine</i>	6	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>floxuridine</i>	6	SP; PA	<i>nelarabine</i>	6	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	6	SP; PA	ONUREG TABS	6	PA
FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN	6	SP; PA	PEMETREXED	6	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	6	SP; PA	PEMETREXED DISODIUM SOLN 500 MG/20ML	6	PA
<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	6	PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 100 MG, 750 MG, 1000 MG</i>	6	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	6	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	6	SP; PA
FOLOTYN 40 MG/2ML	6	PA	PEMETREXED DITROMETHAMINE	6	PA
FOLOTYN 20 MG/ML	6	SP; PA	PEMFEXY	6	PA
<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6		<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	6	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6	PA	<i>pralatrexate 40 MG/2ML</i>	6	PA
GEMCITABINE HCL SOLN (<i>gemcitabine hcl</i>)	6		PURIXAN SUSP 2000 MG/100ML (<i>mercaptopurine</i>)	6	PA
GEMCITABINE HCL SOLN (<i>gemcitabine hcl</i>)	6	PA	TABLOID	6	SP; PA
GEMCITABINE HCL SOLN	6		TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	6	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	6	PA	VIDAZA SUSR (<i>azacitidine</i>)	6	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	6	SP; PA	XATMEP SOLN PO	6	PA
JYLAMVO SOLN PO	6	PA	XELODA (<i>capecitabine</i>)	6	SP; PA
<i>mercaptopurine SUSP 2000 MG/100ML</i>	6	PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		AVASTIN 100 MG/4ML	6	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		CYRAMZA	6	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 1 GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000 MG/40ML</i>	6	PA	FRUZAQLA	6	PA
			INLYTA	6	QL(2 EA daily); SP; PA
			LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	6	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	6	QL(3 EA daily); PA	POTELIGEO	6	PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA	RITUXAN	6	SP; PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	6	QL(3 EA daily); PA	RUXIENCE	6	PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA	SARCLISA	6	PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	6	QL(3 EA daily); PA	TECENTRIQ	6	PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	6	QL(1 EA daily); PA	TRUXIMA 500 MG/50ML	6	PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA	TRUXIMA 100 MG/10ML	4	PA
MVASI	6	PA	UNITUXIN	6	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	6	SP; PA	YERVOY	6	SP; PA
ZALTRAP 200 MG/8ML	6	PA	ZEVALIN Y-90	6	PA
ZIRABEV	6	PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
Antineoplastic - Antibodies			HERCEPTIN 150 MG	6	SP; PA
ADCETRIS	6	SP; PA	HERNEXEOS TABS PO 60 MG	6	
ARZERRA	6	SP; PA	HERZUMA	6	PA
BAVENCIO	6	PA	KANJINTI	6	PA
BESPONSA	6	PA	OGIVRI	6	PA
BLINCYTO	6	PA	ONTRUZANT	6	PA
DARZALEX	6	PA	PERJETA	6	SP; PA
EMPLICITI	6	PA	TRAZIMERA	6	PA
ENHERTU	6	PA	TUKYSA	6	PA
GAZYVA	6	PA	Antineoplastic - BCL-2 Inhibitors		
IMFINZI	6	PA	VENCLEXTA STARTING PACK TBPK	6	PA
KADCYLA	6	PA	VENCLEXTA TABS	6	PA
KEYTRUDA	6	PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
LIBTAYO	6	PA	ERBITUX	6	SP; PA
LOQTORZI	4	PA	<i>erlotinib hcl</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA
MONJUVI	6	PA	EXKIVITY	6	PA
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	6	PA	<i>gefitinib</i>	6	QL(2 EA daily); PA
PADCEV	6	PA	GILOTRIF	6	QL(1 EA daily); PA
POLIVY 140 MG	6	PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	6	QL(2 EA daily); PA
			LAZCLUZE	6	PA
			PORTRAZZA	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TAGRISSE 80 MG	6	QL(1 EA daily); PA	FARESTON (<i>toremifene citrate</i>)	6	PA
TAGRISSE 40 MG	6	QL(2 EA daily); PA	FEMARA (<i>letrozole</i>)	6	
TARCEVA (<i>erlotinib hcl</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA	FIRMAGON 80 MG	6	QL(0.143 EA daily); SP; PA
VECTIBIX 400 MG/20ML	6	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	6	QL(0.143 EA daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	6	SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); PA
VIZIMPRO	6	QL(1 EA daily); PA	INLURIYO TABS PO 200 MG	6	PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>letrozole</i>	1B	
DAURISMO	6	PA	LEUPROLIDE ACETATE-BUPIVACAINE	6	PA
ERIVEDGE	6	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	6	SP; PA
ODOMZO	6	QL(1 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	6	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	6	SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	6	QL(4 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	6	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	6	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	6	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
AKEEGA	6	PA	LYSODREN	6	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
ARIMIDEX (<i>anastrozole</i>)	6	QL(1 EA daily)	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
AROMASIN (<i>exemestane</i>)	6	QL(1 EA daily); SP	NILANDRON (<i>nilutamide</i>)	6	QL(2 EA daily)
<i>bicalutamide</i>	6	QL(1 EA daily); SP	<i>nilutamide</i>	6	QL(2 EA daily)
CAMCEVI	6	PA	NUBEQA	6	QL(4 EA daily); PA
CASODEX (<i>bicalutamide</i>)	6	QL(1 EA daily); SP	ORGOVYX	6	PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	6	SP; PA	ORSERDU	6	PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	6	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	SOLTAMOX SOLN	6	PA
EMCYT	6	SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERLEADA 60 MG	6	PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERLEADA 240 MG	6	QL(1 EA daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	6	PA
EULEXIN	6	QL(6 EA daily); SP; PA	TRELSTAR MIXJECT	6	SP; PA
<i>exemestane</i>	6	QL(1 EA daily); SP	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XTANDI CAPS	6	QL(4 EA daily); SP; PA	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY)	6	PA
XTANDI TABS	6	PA	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	6	PA
YONSA	6	QL(4 EA daily); PA	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY)	6	PA
ZOLADEX 3.6 MG	6	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
ZOLADEX 10.8 MG	6	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	6	SP; PA
ZYTIGA 250 MG (<i>abiraterone acetate</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>bleomycin sulfate 30 UNIT</i>	6	PA
ZYTIGA 500 MG (<i>abiraterone acetate</i>)	6	QL(2 EA daily); PA	COSMEGEN (<i>dactinomycin</i>)	6	SP; PA
Antineoplastic - Hypoxia-Inducible Factor Inhibitors			<i>dactinomycin</i>	6	SP; PA
WELIREG	6	PA	<i>daunorubicin hcl SOLN</i>	6	
Antineoplastic - Immunomodulators			DAUNORUBICIN HCL SOLN (<i>daunorubicin hcl</i>)	6	
POMALYST	6	QL(1 EA daily); PA	DOXIL SUSP (<i>doxorubicin hcl liposomal</i>)	6	SP; PA
Antineoplastic - Menin Inhibitors			<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	6	SP; PA
KOMZIFTI CAPS PO 200 MG	6	PA	<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	6	SP; PA
REVUFORJ 25 MG	6		DOXORUBICIN HCL SOLN (<i>doxorubicin hcl</i>)	6	SP; PA
REVUFORJ	6	PA	<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	6	SP; PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			ELLECE SOLN 200 MG/100ML	6	PA
AYVAKIT	6	QL(1 EA daily); PA	ELLECE SOLN 50 MG/25ML	6	SP; PA
Antineoplastic - Protease Activators			IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML (<i>idarubicin hcl</i>)	6	PA
MODEYSO CAPS PO 125 MG	6	PA	IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML (<i>idarubicin hcl</i>)	6	SP; PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	6	PA
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 50 MG	6	PA	<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	6	SP; PA
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY)	6	PA	JELMYTO SOLR UL	6	PA
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 40 MG	6	PA	<i>mitomycin SOLR IV 5 MG, 40 MG</i>	6	PA
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 60 MG	6	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	6	SP; PA	BELEODAQ	6	PA
MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML	6	PA	BORTEZOMIB SOLN IV	6	PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	6	SP; PA	<i>bortezomib SOLR IJ</i>	6	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 20 MG/10ML, 30 MG/15ML</i>	6	PA	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	6	PA
<i>valrubicin</i>	6	SP; PA	BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5 MG	6	PA
VALSTAR (<i>valrubicin</i>)	6	SP; PA	BOSULIF CAPS	6	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations			BOSULIF TABS 400 MG	6	QL(1 EA daily); PA
AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK THPK PO	6	PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	6	QL(1 EA daily); SP; PA
DARZALEX FASPRO	6	PA	BRAFTOVI 75 MG	6	QL(6 EA daily); PA
HERCEPTIN HYLECTA	6	PA	BRUKINSA PO 160 MG	6	PA
INQOVI	6	PA	BRUKINSA	6	PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA	CABOMETYX TABS	6	PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	6	QL(2.5 EA daily); PA	CALQUENCE	6	PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	6	QL(3.25 EA daily); PA	CAPRELSA	6	QL(1 EA daily); SP; PA
LONSURF	6	PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	6	QL(2 EA daily); SP; PA
OPDUALAG	6	PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	6	QL(4 EA daily); SP; PA
PHESGO	6	PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	6	QL(3 EA daily); SP; PA
RITUXAN HYCELA	6	PA	COPIKTRA	6	PA
VYXEOS	6	PA	COTELLIC	6	PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			DANZITEN	6	PA
AFINITOR DISPERZ TBSO (<i>everolimus</i>)	6	PA	<i>dasatinib</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA
AFINITOR TABS (<i>everolimus</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA	ENSACOVE CAPS PO 25 MG, 100 MG	6	PA
ALECENSA	6	QL(8 EA daily); PA	<i>everolimus TABS</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA
ALUNBRIG TABS	6	QL(1 EA daily); PA	<i>everolimus TBSO</i>	6	PA
ALUNBRIG TBPB	6	QL(1 EA daily); PA	FOTIVDA	6	PA
AUGTYRO	6	PA	GAVRETO	6	PA
BALVERSA	6	PA	GLEEVEC TABS (<i>imatinib mesylate</i>)	6	QL(2 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GOMEKLI CAPS PO 1 MG, 2 MG	6	PA
GOMEKLI TBSO PO 1 MG	6	PA
HYRNUO TABS PO 10 MG	6	PA
IBRANCE CAPS	6	QL(1 EA daily); PA
IBRANCE TABS	6	QL(1 EA daily); PA
IBTROZI CAPS PO 200 MG	6	PA
ICLUSIG	6	QL(1 EA daily); PA
ICLUSIG	6	QL(1 EA daily); PA
IDHIFA	6	PA
<i>imatinib mesylate</i> TABS	6	QL(2 EA daily); SP; PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	6	QL(1 EA daily); PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	6	QL(3 EA daily); PA
IMBRUVICA SUSP	6	QL(8 ML daily); PA
IMBRUVICA TABS	6	QL(1 EA daily); PA
IMKELDI SOLN	6	PA
INREBIC	6	PA
ISTODAX SOLR (<i>romidepsin</i>)	6	SP; PA
ITOVEBI	6	PA
JAKAFI	6	QL(2 EA daily); SP; PA
JAYPIRCA	6	PA
KISQALI (200 MG DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
KISQALI (400 MG DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
KISQALI (600 MG DOSE)	6	QL(2.5 EA daily); PA
KOSELUGO	6	PA
KOSELUGO PO 5 MG, 7.5 MG	6	PA
KRAZATI	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KYPROLIS	6	PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	6	QL(6 EA daily); SP; PA
LORBRENA	6	QL(1 EA daily); PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	6	QL(2 EA daily); PA
LUMAKRAS 320 MG	6	QL(3 EA daily); PA
LYNPARZA TABS	6	QL(4 EA daily); PA
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE)	6	PA
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE)	6	PA
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE)	6	PA
MEKINIST SOLR	6	QL(40 ML daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	6	QL(3 EA daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	6	QL(1 EA daily); PA
MEKTOVI	6	QL(6 EA daily); PA
NERLYNX	6	PA
NEXAVAR (<i>sorafenib tosylate</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS PO 50 MG, 150 MG, 200 MG	6	PA
<i>nilotinib hcl</i> 150 MG, 200 MG	6	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>nilotinib hcl</i> 50 MG	6	QL(4 EA daily); PA
NINLARO	6	QL(0.143 EA daily); PA
OGSIVEO	6	PA
OJEMDA SUSR	6	PA
OJEMDA TABS	6	PA
OJJAARA	6	PA
<i>pazopanib hcl</i>	6	PA
<i>pazopanib hcl</i>	6	QL(4 EA daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PEMAZYRE	6	QL(1 EA daily); PA	TAFINLAR CAPS	6	QL(4 EA daily); PA
PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	6	QL(1 EA daily); SP; PA	TAFINLAR TBSO	6	QL(30 EA daily); PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	6	QL(1 EA daily); PA	TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG	6	PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 EA daily); PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 EA daily); PA
QINLOCK	6	PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA
RETEVMO CAPS	6	PA	TASIGNA 50 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	6	QL(4 EA daily); PA
RETEVMO TABS	6	PA	TAZVERIK	6	PA
REZLIDHIA	6	PA	<i>temsirolimus</i>	6	QL(0.143 ML daily); SP; PA
ROMIDEPSIN SOLN	6	PA	TEPMETKO	6	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	6	SP; PA	TIBSOVO	6	PA
ROMVIMZA CAPS PO 14 MG, 20 MG, 30 MG	6	PA	TORISEL (<i>temsirolimus</i>)	6	QL(0.143 ML daily); SP; PA
ROZLYTREK CAPS	6	PA	TRUQAP TABS	6	PA
ROZLYTREK PACK	6	PA	TRUQAP TBPk	6	PA
RUBRACA	6	QL(4 EA daily); PA	TURALIO 125 MG	6	PA
RYDAPT	6	PA	TYKERB (<i>lapatinib ditosylate</i>)	6	QL(6 EA daily); SP; PA
SCEMBLIX 100 MG	6	QL(4 EA daily); PA	VANFLYTA	6	PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	6	QL(2 EA daily); PA	VELCADE SOLR IJ (<i>bortezomib</i>)	6	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	6	QL(4 EA daily); SP; PA	VERZENIO	6	QL(2 EA daily); PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA	VITRAKVI CAPS	6	PA
STIVARGA	6	QL(4 EA daily); SP; PA	VITRAKVI SOLN	6	PA
<i>sunitinib malate</i> 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	6	QL(1 EA daily); SP; PA	VONJO	6	QL(4 EA daily); PA
<i>sunitinib malate</i> 37.5 MG	6	PA	VORANIGO	6	PA
SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG (<i>sunitinib malate</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA
SUTENT 37.5 MG (<i>sunitinib malate</i>)	6	PA	XALKORI CAPS	6	QL(2 EA daily); SP; PA
TABRECTA	6	QL(4 EA daily); PA	XALKORI CPSP	6	QL(2 EA daily); PA
			XOSPATA	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZEJULA CAPS	6	QL(3 EA daily); PA
ZEJULA TABS	6	QL(1 EA daily); PA
ZELBORAF	6	QL(8 EA daily); SP; PA
ZOLINZA	6	QL(4 EA daily); SP; PA
ZYDELIG	6	QL(2 EA daily); PA
ZYKADIA TABS	6	PA
Antineoplastic Enzymes		
ASPARLAS	6	PA
ONCASPAS	6	SP; PA
Antineoplastic Radiopharmaceuticals		
AZEDRA DOSIMETRIC	6	PA
AZEDRA THERAPEUTIC	6	PA
LUTATHERA	6	PA
PLUVICTO	6	PA
STRONTIUM CHLORIDE SR-89	6	PA
XOFIGO	6	PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	6	SP; PA
ALFERON N	6	PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	6	SP; PA
<i>arsenic trioxide 12 MG/6ML</i>	6	PA
<i>bexarotene</i>	6	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 100 MG</i>	6	PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	6	SP; PA
ELZONRIS	6	PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
MATULANE	6	SP; PA
NIPENT	6	SP; PA
PHOTOFRIN	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PROLEUKIN	6	SP; PA
SYNRIBO	6	SP; PA
TARGRETIN (<i>bexarotene</i>)	6	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TRISENOX (<i>arsenic trioxide</i>)	6	PA
UVADEX	6	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
ELITEK	6	PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>dexrazoxane hcl</i>	6	PA
ETHYOL	6	PA
IWILFIN	6	PA
KHAPZORY 175 MG	6	PA
<i>leucovorin calcium SOLN IJ 500 MG/50ML</i>	6	
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>levoleucovorin calcium SOLN</i>	6	PA
<i>levoleucovorin calcium SOLR</i>	6	PA
<i>mesna SOLN</i>	6	PA
<i>mesna TABS</i>	6	PA
MESNEX SOLN (<i>mesna</i>)	6	PA
MESNEX TABS	6	PA
VORAXAZE	6	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
ABRAXANE (<i>paclitaxel protein-bound particles</i>)	6	SP; PA
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	6	SP; PA
<i>docetaxel CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML</i>	6	PA
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML	6	PA

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML (<i>docetaxel</i>)	6	PA
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML (<i>docetaxel</i>)	6	SP; PA
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML	6	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	6	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML</i>	6	PA
DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML (<i>docetaxel</i>)	6	PA
DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML (<i>docetaxel</i>)	6	SP; PA
DOCIVYX SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML	6	PA
DOCIVYX SOLN 20 MG/2ML	6	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	6	SP; PA
ETOPOPHOS	6	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	6	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	6	SP; PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	6	SP; PA
IXEMPRA KIT 45 MG	6	PA
IXEMPRA KIT 15 MG	6	SP; PA
JEVTANA	6	SP; PA
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	6	SP; PA
<i>paclitaxel 30 MG/5ML, 300 MG/50ML</i>	6	PA
PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PART	6	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	6	SP; PA
<i>vinblastine sulfate SOLN</i>	6	PA
<i>vincristine sulfate</i>	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	6	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	6	PA
Topoisomerase I Inhibitors		
CAMPTOSAR 300 MG/15ML (<i>irinotecan hcl</i>)	6	PA
CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (<i>irinotecan hcl</i>)	6	SP; PA
HYCANTIN CAPS	6	SP; PA
HYCANTIN SOLR (<i>topotecan hcl</i>)	6	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	6	SP; PA
<i>irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500 MG/25ML</i>	6	PA
ONIVYDE IV 43 MG/10ML	6	PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	6	PA
TOPOTECAN HCL SOLN (<i>topotecan hcl</i>)	6	PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	6	SP; PA
TRODELVY	6	PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B		Antipsychotics - Misc.		
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B		EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B		<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B		<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B		<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B		Benzisoxazoles		
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B		FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
NEUPRO	2		FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>paliperidone</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B		PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B		<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST	<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST	<i>risperidone TABS</i>	1B	
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			<i>risperidone TBDP</i>	1B	
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	Butyrophenones		
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B		<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B		<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
Antimanic Agents			<i>haloperidol TABS</i>	1B	
<i>lithium</i>	1B		Dibenzapines		
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B		<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B		<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B		<i>clozapine TABS</i>	1B	
			<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
			<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS 1 MG</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
CABENUVA	3	
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3	
DOVATO	3	QL(1 EA daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	RETROVIR SOLN	3	
FUZEON SOLR	4	SP; PA	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
GENVOYA	3	QL(1 EA daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)	STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)	SYMTUZA	3	
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
JULUCA	3	QL(1 EA daily)	TIVICAY PD TBSO	3	
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)	TRIUMEQ PD TBSO	3	
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	TYBOST	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	CMV Agents		
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>cidofovir</i>	3	
			<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	NATAZIA	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
AVERI TABS PO	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
FEMLYV TBDP	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		Emergency Contraceptives		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0				

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ELLA	0	
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - Oral		
norethindrone (contraceptive)	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 EA daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
budesonide CPEP	1B	QL(3 EA daily)
deflazacort TABS	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
dexamethasone ELIX	1B	
dexamethasone SOLN	1B	
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	1A	
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B	
hydrocortisone sod succinate 100 MG	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
hydrocortisone TABS	1B	
MEDROL TABS	3	
methylprednisolone acetate SUSP	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	1B	
methylprednisolone TABS	1B	
methylprednisolone TBPk	1B	
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	1B	
prednisolone sodium phosphate TBPk	3	
prednisolone SOLN	1B	
prednisolone TABS	1B	
prednisone SOLN	1B	
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	1A	
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	1B	
prednisone TBPk	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
triamcinolone acetate SUSP 40 MG/ML	1B	
Mineralocorticoids		
fludrocortisone acetate TABS	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
benzonatate 100 MG	1B	QL(6 EA daily)
benzonatate 150 MG	1B	QL(4 EA daily)
benzonatate 200 MG	1B	QL(3 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	1B	
Mucolytics		
acetylcysteine SOLN	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
adapalene CREA	1B	AL(At least 12 yrs old)
adapalene GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide GEL 5 %	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide GEL 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
clindamycin phosphate (topical) FOAM	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
clindamycin phosphate (topical) GEL	1B	QL(8 ML daily)
clindamycin phosphate (topical) LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old)
clindamycin phosphate (topical) SOLN	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
clindamycin phosphate (topical) SWAB	1B	AL(At least 12 yrs old)
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
clindamycin phosphate-tretinoin	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
erythromycin (acne aid) PADS	1B	AL(At least 12 yrs old)
erythromycin (acne aid) SOLN	1B	AL(At least 12 yrs old)
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
sulfacetamide sodium (acne)	1B	AL(At least 12 yrs old)
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
tretinoin microsphere 0.1 %	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antibiotics - Topical			<i>luliconazole</i>	1B	PA
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
Antifungals - Topical			<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B		OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)			
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)			
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B				
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)			
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)			
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)			
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	6	SP; PA	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
CARAC CREA (<i>fluorouracil (topical)</i>)	6	PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN 5 %</i>	1B	QL(2 ML daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN 2 %</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
LEVULAN KERASTICK SOLR	6	PA	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PANRETIN	6	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
TARGRETIN (<i>bexarotene (topical)</i>)	6	SP; PA	PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
VALCHLOR	6	PA	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
Antipruritics - Topical			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antipsoriatics			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
			TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
Burn Products		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SULFAMYLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>amcinonide OINT</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)			
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	
FORA GTBL BLOOD KETONE TEST	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	
KETONE TEST STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	
PRECISION XTRA KETONE	1B	
RELION KETONE TEST STRP	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC

DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes

Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	

DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1A	
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	6	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	6	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BAXDELA TABS	3	PA	DIPENTUM	2	
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B		INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3		<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B		<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B		<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B		<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A		<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B		<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B		PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B		RENFLEXIS	4	PA
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs			SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
5-HT4 Receptor Agonists			SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)	STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)			STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)	<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
Gallstone Solubilizing Agents			<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)	TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ursodiol TABS</i>	1B		TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
Gastrointestinal Chloride Channel Activators			TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
Gastrointestinal Stimulants			YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)	Intestinal Acidifiers		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B		<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)	Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
Inflammatory Bowel Agents			<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)	LINZESS	2	QL(1 EA daily)
			Peripheral Opioid Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	RX/OTC
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>quazepam</i>	3	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>tasimelteon CAPS</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)
Fidaxomicin			KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2		KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B		MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)
Contraceptives			OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FEMCAP DEVI	0		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)
			TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
Diabetic Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Migraine Products			<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST			
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
NORMOSOL-M IN D5W	1B	
NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
Phosphate		
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	6	QL(1 EA daily); PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA
REVLIMID 20 MG	6	QL(1 EA daily); PA
REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	6	QL(1 EA daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Lymphatic Agents		
SYLVANT	6	PA
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Throat Products - Misc.			NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>cevimeline hcl</i>	1B		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTIVITAMINS			ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Prenatal Vitamins			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG- 1.84 MG-18 MG-2.6 MG- 1.7 MG-27 MG-10 MCG- 4.95 MG-25 MG-200 MG- 160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG- 1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG</i>	3	PA
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
KESIMPTA	6	QL(0.0144 ML daily); PA
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Pleural Sclerosing Agents		
SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP	6	PA
STERILE TALC POWDER SUSR	6	PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pirfenidone CAPS</i>	4		ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA	ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4		EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
Sulfonamides			<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B		<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections			NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
Tetracyclines			SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B		TOXOIDS		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Toxoid Combinations		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B		ADACEL SUSP	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B		ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	BOOSTRIX SUSP	0	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)	BOOSTRIX SUSY	0	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	DAPTACEL	0	
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)	INFANRIX	0	
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)	KINRIX SUSY	0	
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)	PEDIARIX SUSY	0	
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones			PENTACEL	0	
Antithyroid Agents			QUADRACEL SUSP	0	
<i>methimazole TABS</i>	1B		QUADRACEL SUSY	0	
<i>propylthiouracil</i>	1B		TDVAX SUSP	0	
Thyroid Hormones			TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
			TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
			VAXELIS SUSP	0	
			VAXELIS SUSY	0	
			ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antispasmodics			NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		Ulcer Therapy Combinations		
H-2 Antagonists			<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)	Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC	<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nizatidine CAPS</i>	1B		<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Misc. Anti-Ulcer			<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
Proton Pump Inhibitors			<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC	<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B				
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BCG VACCINE	6	PA
BEXSERO 0.5 ML	0	
CAPVAXIVE	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI 0.5 ML	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PENBRAYA	0	
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
AUDENZ EMUL	0	
AUDENZ PRSY	0	
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
COMIRNATY SUSP	0	
COMIRNATY SUSY	0	
ENGRIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGRIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
IPOL IJ	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
JYNNEOS	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
MRESVIA	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		Spermicides		
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	Vaginal Anti-infectives		
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
ROTARIX SUSP	0		<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)	<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0		<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
SPIKEVAX SUSP	0		Vaginal Anti-inflammatory Agents		
SPIKEVAX SUSY	0		<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
TWINRIX SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
			PHEXX	0	PV
			PHEXXI	0	PV
			Vaginal Estrogens		
			<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
			<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
			FEMRING	3	PA
			PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	34	ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3	adapalene CREA	41
abacavir sulfate TABS	34	ACTEMRA SOSY	3	adapalene GEL	41
abacavir sulfate-lamivudine	34	ACTHAR GEL PEN SC 40		adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5	
abiraterone acetate 250 MG	26	UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	48	%-0.1 %	41
abiraterone acetate 500 MG	26	ACTHAR GEL	48	ADCETRIS	25
ABRAXANE (paclitaxel protein-bound particles)	31	ACTHIB SOLR IM	67	adefovir dipivoxil	36
ABRYSVO	67	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	31	ADEMPAS	38
acamprosate calcium	63	acyclovir CAPS	36	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5	
acarbose	14	acyclovir SUSP	36	MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	65
acebutolol hcl CAPS	36	acyclovir TABS PO	36	AFINITOR DISPERZ TBSO	
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	acyclovir topical CREA	44	(everolimus)	28
acetaminophen w/ codeine TABS 15		acyclovir topical OINT	44	AFINITOR TABS (everolimus)	28
MG-300 MG	6	ADACEL SUSP	65	AFLURIA PRESERVATIVE FREE	
acetaminophen w/ codeine TABS 30		ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5		SUSY	67
MG-300 MG	6	LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	65	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	
acetaminophen w/ codeine TABS 60		ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT .		0.5 ML	67
MG-300 MG	6	2		AFLURIA SUSP	67
acetaminophen-caff-dihydrocod		ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT .		AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000	
CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	2		UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500	
acetazolamide CP12	47	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE)		UNIT	51
acetazolamide sodium	47	PSKT	2	AIMOVIG	55
acetazolamide TABS 125 MG	47	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS		AIMSCO LUBRICATED MISC	54
acetazolamide TABS 250 MG	47	START AJKT 80 MG/0.8ML	2	AKEEGA	26
acetic acid (otic)	62	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	2	AKYNZEO	17
acetic acid 0.25 %	51	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	2	albendazole	7
acetylcysteine SOLN	41	ADALIMUMAB-ADB (2 PEN) AJKT		albuterol sulfate AERS	9
acitretin 10 MG, 17.5 MG	43	3		albuterol sulfate NEBU	9
acitretin 25 MG	43	ADALIMUMAB-ADB (2 SYRINGE)		albuterol sulfate SYRP	9
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	PSKT	3	albuterol sulfate TABS	9
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML,		ADALIMUMAB-ADB (CD/UC/HS		alclometasone dipropionate CREA	
400 MG/20ML	3	STRT) AJKT	3	alclometasone dipropionate OINT	
		ADALIMUMAB-ADB (PS/UV			
		STARTER) AJKT	3		

ALDURAZYME	49	ALUNBRIG TABS	28	63
ALECENSA	28	ALUNBRIG TBPk	28	amoxicillin & pot clavulanate SUSR
alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	48	ALVESCO	9	63
alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	48	alvimopan	51	amoxicillin & pot clavulanate TABS
ALFERON N	31	amantadine hcl CAPS	32	63
alfuzosin hcl	51	amantadine hcl SOLN	33	amoxicillin & pot clavulanate TB12
ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	23	amantadine hcl TABS	33	63
ALIMTA SOLR 500 MG (pemetrexed disodium)	23	ambrisentan	38	amoxicillin CAPS
ALINIA SUSR	21	amcinonide CREA	44	62
aliskiren fumarate	20	amcinonide LOTN	44	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG .
allopurinol 100 MG, 300 MG	51	amcinonide OINT	44	62
almotriptan malate 12.5 MG	56	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML
almotriptan malate 6.25 MG	56	amiloride & hydrochlorothiazide ..	47	62
ALOCRIl	61	amiloride hcl TABS	47	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML
alogliptin benzoate	15	aminocaproic acid TABS	52	62
alogliptin-metformin hcl	14	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML .	8	amoxicillin TABS
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amiodarone hcl TABS	8	62
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amitriptyline hcl TABS	14	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK
ALOMIDE	61	amlodipine besylate TABS	37	66
alosetron hcl	50	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	37	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-benazepril hcl	19	1
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-valsartan	20	1
alprazolam TBDP	8	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG
ALTABAX	42	amoxapine	14	1
		amoxicillin & pot clavulanate CHEW .		amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG
				1
				amphotericin b IV
				17
				ampicillin CAPS 500 MG
				62
				ampicillin sodium IV 10 GM
				62
				anagrelide hcl
				52
				anastrozole
				26
				ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR
				7
				ANNOVERA
				39

ANZEMET TABS 50 MG	17	asenapine maleate 2.5 MG	33	AVASTIN 100 MG/4ML	24
APIDRA SOLN	15	asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	33	AVERI TABS PO	39
APIDRA SOLOSTAR SOPN	15	ASPARLAS	31	AVGEMSI SOLN 1 GM/26.3ML, 2	
apomorphine hydrochloride SOCT	33	aspirin CHEW	5	GM/52.6ML	23
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17	aspirin TABS 325 MG	5	AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK	
aprepitant CAPS 80 MG	17	aspirin TBEC 325 MG	5	THPK PO	28
aprepitant CAPS	17	aspirin TBEC 81 MG	5	AVONEX PEN AJKT	63
APTIVUS CAPS	34	aspirin-dipyridamole	52	AVONEX PREFILLED PSKT	63
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN		atazanavir sulfate CAPS 150 MG,		AYVAKIT	27
25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60		300 MG	34	azacitidine SUSR	23
MCG/ML, 100 MCG/ML	52	atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	34	AZATHIOPRINE SODIUM	58
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY		atenolol & chlorthalidone	20	azathioprine TABS	58
150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML,		atenolol TABS	36	AZEDRA DOSIMETRIC	31
300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	52	ATGAM	58	AZEDRA THERAPEUTIC	31
ARCALYST	3	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25		azelaic acid GEL	46
AREXVY	67	MG, 40 MG	1	azelastine hcl (ophth)	61
arformoterol tartrate	9	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100		azelastine hcl	60
ARIKAYCE	2	MG	1	azithromycin PACK	53
ARIMIDEX (anastrozole)	26	atorvastatin calcium TABS	18	azithromycin SUSR	53
aripiprazole SOLN PO	34	atovaquone	21	azithromycin TABS 250 MG	53
aripiprazole TABS	34	atovaquone-proguanil hcl	22	azithromycin TABS 500 MG	53
armodafinil	1	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100		azithromycin TABS 600 MG	53
ARMOUR THYROID TABS	65	MG/10ML	60	aztreonam 1 GM	21
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT,		atropine sulfate SOSY IJ 0.25		bacitracin (ophthalmic)	61
100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT		MG/5ML	66	baclofen TABS	60
(fluticasone furoate (inhalation))	9	ATROVENT HFA	9	balsalazide disodium CAPS	50
AROMASIN (exemestane)	26	AUDENZ EMUL	67	BALVERSA	28
ARRANON (nelarabine)	23	AUDENZ PRSY	67	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	
arsenic trioxide 10 MG/10ML	31	AUGTYRO	28	12	
arsenic trioxide 12 MG/6ML	31	AURANOFIN 3 MG	3	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)	
ARZERRA	25	AUSTEDO TABS	63	12	
ascorbic acid SOLN IJ	70	avanafil	37		

BAVENCIO	25	BESIVANCE	61	BIKTARVY	34
BAXDELA SOLR	49	BESPONSA	25	bimatoprost SOLN	62
BAXDELA TABS	50	betaine	49	bisacodyl SUPP	53
BCG VACCINE	67	betamethasone dipropionate (topical) CREA	44	bisacodyl TBEC	53
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 55		betamethasone dipropionate (topical) LOTN	44	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20
BELEODAQ	28	betamethasone dipropionate (topical) OINT	44	bisoprolol fumarate	36
BELRAPZO SOLN	23	betamethasone dipropionate augmented CREA	44	bleomycin sulfate 15 UNIT	27
BELSOMRA	53	betamethasone dipropionate augmented LOTN	44	bleomycin sulfate 30 UNIT	27
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20	betamethasone dipropionate augmented OINT	44	BLINCYTO	25
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20	betamethasone valerate CREA ...	44	BONJESTA TBCR	17
benazepril hcl	19	betamethasone valerate FOAM ...	44	BOOSTRIX SUSP	65
BENDAMUSTINE HCL SOLN	23	betamethasone valerate LOTN ...	44	BOOSTRIX SUSY	65
bendamustine hcl SOLR	23	betamethasone valerate OINT	44	BORTEZOMIB SOLN IV	28
BENDEKA SOLN	23	BETASERON KIT	63	BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5 MG	28
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 41		betaxolol hcl (ophth) SOLN	60	bortezomib SOLR IJ	28
BENZEPRO FOAM 5.3 %	41	betaxolol hcl	36	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	28
benzonatate 100 MG	40	bethanechol chloride 25 MG	67	bosentan TABS 125 MG	38
benzonatate 150 MG	40	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	67	bosentan TABS 62.5 MG	38
benzonatate 200 MG	40	BEVESPI AEROSPHERE	9	bosentan TBSO 32 MG	38
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	41	bexarotene (topical)	43	BOSULIF CAPS	28
benzoyl peroxide GEL 10 %	41	bexarotene	31	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	28
benzoyl peroxide GEL 5 %	41	BEXSERO 0.5 ML	67	BOSULIF TABS 400 MG	28
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	41	BEYFORTUS	62	BRAFTOVI 75 MG	28
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 41		bicalutamide	26	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	9
benztropine mesylate TABS	32	BIJUVA	49	BREO ELLIPTA	10
bepotastine besilate	62			BREZTRI AEROSPHERE	10
				brimonidine tartrate (topical)	46
				brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	61
				brimonidine tartrate-timolol maleate .	

60	buspirone hcl 5 MG8	dipropionate SUSP 44
brinzolamide62	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG8	calcitonin (salmon) NA48
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...12	busulfan SOLN23	calcitriol (topical) 43
bromfenac sodium (ophth)62	BUSULFEX SOLN (busulfan)23	calcitriol CAPS49
bromocriptine mesylate CAPS33	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG5	calcitriol SOLN IV49
bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG33	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS51
BRUKINSA28	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG4	calcium acetate (phosphate binder) TABS51
BRUKINSA PO 160 MG28	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG5	calcium chloride (dihydrate) SOLN 57
budesonide (inhalation) SUSP9	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG6	calcium polycarbophil TABS53
budesonide (intrarectal)7	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG6	CALQUENCE28
budesonide (nasal)60	butalbital-aspirin-caffeine CAPS5	CAMCEVI26
budesonide CPEP40	butalbital-aspirin-caffeine w/cod6	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)32
budesonide-formoterol fumarate dihydrate10	butenafine hcl42	CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (irinotecan hcl)32
bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...47	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML7	candesartan cilexetil19
bumetanide TABS47	CABENUVA34	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide20
buprenorphine hcl SOLN7	cabergoline49	capecitabine23
buprenorphine hcl SUBL7	CABOMETYX TABS28	CAPRELSA28
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG7	calcipotriene CREA43	captopril 12.5 MG19
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG7	calcipotriene OINT43	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .19
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL7	calcipotriene SOLN43	CAPVAXIVE67
buprenorphine PTWK7	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT44	CARAC CREA (fluorouracil (topical)) 43
bupropion hcl (smoking deterrent) 64	calcipotriene-betamethasone	carbamazepine CHEW 100 MG ...12
bupropion hcl TABS13		carbamazepine CP12 100 MG12
bupropion hcl TB1213		carbamazepine CP12 200 MG12
bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG13		carbamazepine CP12 300 MG12
		carbamazepine SUSP12

carbamazepine TABS	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	39	chlorpromazine hcl SOLN	34
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefixime CAPS	39	chlorpromazine hcl TABS	34
carbamazepine TB12 200 MG	12	cefixime SUSR	39	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	47
carbidopa	32	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	38	chlorzoxazone TABS 500 MG	60
carbidopa-levodopa TABS	33	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	38	chlorzoxazone TABS 750 MG	60
carbidopa-levodopa TBCR	33	cefpodoxime proxetil SUSR	39	cholecalciferol CAPS	70
carbidopa-levodopa TBCR	33	cefpodoxime proxetil TABS	39	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	70
carbidopa-levodopa TBCR	33	cefprozil SUSR	38	cholestyramine light PACK	18
carbidopa-levodopa-entacapone	33	cefprozil TABS	38	cholestyramine light POWD	18
carbinoxamine maleate SOLN	18	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	39	cholestyramine PACK	18
carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	cefuroxime axetil TABS	38	cholestyramine POWD	18
carboplatin SOLN 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML	23	cefuroxime sodium IJ 750 MG	38	choline fenofibrate	18
carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23	celecoxib	4	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 48	
carisoprodol TABS	60	cephalexin CAPS	38	ciclopirox GEL	42
carmustine	23	cephalexin SUSR	38	ciclopirox olamine CREA	42
carteolol hcl (ophth)	60	CERDELGA	52	ciclopirox olamine SUSP	42
carvedilol	36	cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox SHAM	42
carvedilol phosphate	36	cevimeline hcl	59	ciclopirox SOLN	42
CASODEX (bicalutamide)	26	CHEMET	16	cidofovir	35
CAYA DPRH	54	CHEMSTRIP K STRP	46	cilostazol	52
cefaclor CAPS	38	chloramphenicol sodium succinate 21		CIMDUO	34
cefaclor SUSR 250 MG/5ML	38	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cimetidine TABS	66
cefadroxil CAPS	38	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	66	cinacalcet hcl	49
cefadroxil SUSR	38	chlordiazepoxide-amitriptyline	63	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	61
cefadroxil TABS	38	chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	58	ciprofloxacin hcl (otic)	62
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	38	chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	ciprofloxacin hcl TABS	50
cefdinir CAPS	38	chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .	50
cefdinir SUSR	39			ciprofloxacin-dexamethasone	62

ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 62	clindamycin phosphate vaginal CREA69	clorazepate dipotassium TABS 8
cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...23	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)41	clotrimazole (topical) CREA 42
cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200 MG/200ML 23	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % 41	clotrimazole (topical) SOLN 42
CISPLATIN SOLR 23	clindamycin phosphate-tretinoin .. 41	clotrimazole 58
citalopram hydrobromide SOLN ... 13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..60	clotrimazole vaginal CREA 1 % ... 69
citalopram hydrobromide TABS ... 13	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ... 60	clotrimazole w/ betamethasone CREA 42
cladribine 10 MG/10ML23	clobazam SUSP11	clotrimazole w/ betamethasone LOTN42
clarithromycin SUSR53	clobazam TABS11	clozapine TABS33
clarithromycin TABS53	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 44	clozapine TBDP 100 MG 33
clarithromycin TB2453	clobetasol propionate emollient base 0.05 %44	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 34
CLASSIC PRENATAL TABS 59	clobetasol propionate FOAM 44	clozapine TBDP 25 MG33
clemastine fumarate SYRP 18	clobetasol propionate GEL 0.05 % 44	COARTEM 22
clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	clobetasol propionate OINT 0.05 % 44	codeine sulfate TABS 30 MG 5
CLIMARA PRO49	clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 44	CODEINE SULFATE TABS5
clindamycin hcl21	clocortolone pivalate 45	colchicine TABS 51
clindamycin palmitate hydrochloride . 21	clofarabine23	colchicine w/ probenecid51
clindamycin phosphate (topical) FOAM 41	CLOLAR (clofarabine)23	colesevelam hcl PACK18
clindamycin phosphate (topical) GEL 41	clomiphene citrate TABS 48	colesevelam hcl TABS18
clindamycin phosphate (topical) LOTN 41	clomipramine hcl 14	colestipol hcl GRAN18
clindamycin phosphate (topical) SOLN 41	clonazepam TABS11	colestipol hcl PACK 18
clindamycin phosphate (topical) SWAB 41	clonidine hcl (adhd) TB121	colestipol hcl TABS 18
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML21	clonidine hcl TABS19	COMBIVENT RESPIMAT AERS .. 10
	clonidine PTWK19	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT 28
	clopidogrel bisulfate 300 MG 52	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT 28
	clopidogrel bisulfate 75 MG52	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT 28
		COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10

MCG/0.3ML67	cyclophosphamide CAPS23	hcl 1000 MG-10 MG 14
COMIRNATY SUSP 67	cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML 23	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG14
COMIRNATY SUSY 67	CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML 23	dapsone 21
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)34	cyclophosphamide SOLR IJ 23	DAPTACEL65
COPIKTRA28	cycloserine 22	daptomycin 500 MG 21
CORDRAN TAPE45	cyclosporine (ophth) EMUL61	darifenacin hydrobromide66
CORTISPORIN-TC62	cyclosporine CAPS 58	darunavir TABS 600 MG34
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 43	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS 58	darunavir TABS 800 MG34
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ43	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN 58	DARZALEX25
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ43	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 58	DARZALEX FASPRO28
COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...43	cyproheptadine hcl SYRP18	dasatinib28
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .43	cyproheptadine hcl TABS18	DAUNORUBICIN HCL SOLN (daunorubicin hcl)27
COSENTYX UNOREADY SOAJ .. 43	CYRAMZA24	daunorubicin hcl SOLN 27
COSMEGEN (dactinomycin)27	CYSTAGON CAPS 51	DAURISMO 26
COTELLIC28	CYSTARAN 62	decitabine 24
CREON CPEP47	cytarabine SOLN 20 MG/ML24	deferasirox PACK16
CRESEMBA CAPS 186 MG17	cytarabine SOLN24	deferasirox TABS 16
cromolyn sodium (ophth)62	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	deferasirox TBSO16
cromolyn sodium NEBU9	dacarbazine SOLR 100 MG 31	deflazacort TABS 40
crotamiton LOTN46	dacarbazine SOLR 200 MG 31	DELSTRIGO 34
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT 59	dactinomycin 27	demeclocycline hcl TABS65
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML52	dalfampridine64	DEPO-ESTRADIOL49
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG 60	danazol CAPS7	DEPO-MEDROL SUSP40
	dantrolene sodium CAPS60	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC40
	DANZITEN 28	DESCOVY 200 MG-25 MG34
	dapagliflozin propanediol16	desipramine hcl TABS 14
	dapagliflozin propanediol-metformin	desloratadine TABS18
		desloratadine TBDP 2.5 MG18

desmopressin acetate SOLN IJ ... 49	dexmethylphenidate hcl CP24 1	dicyclomine hcl CAPS 66
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA 49	dexmethylphenidate hcl TABS 1	dicyclomine hcl SOLN PO 66
desmopressin acetate spray 49	dexrazoxane hcl 31	dicyclomine hcl TABS 66
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 % 49	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG 1	DIFFERIN LOTN 41
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 49	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG 1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 54
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 49	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	diflorasone diacetate CREA 45
desogestrel & ethinyl estradiol 39	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG 1	diflorasone diacetate OINT 45
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) 39	DIACOMIT CAPS 250 MG 12	diflunisal TABS 5
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) 39	DIACOMIT CAPS 500 MG 12	difluprednate 61
desonide CREA 45	DIACOMIT PACK 250 MG 12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML 37
desonide LOTN 45	DIACOMIT PACK 500 MG 12	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG 37
desonide OINT 45	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 56
desoximetasone CREA 0.25 % 45	diazepam CONC 8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 56
desoximetasone GEL 45	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML 8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) 13
desoximetasone OINT 0.25 % 45	diazepam TABS 8	DILANTIN 13
desvenlafaxine succinate 14	diazoxide 15	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 13
dexamethasone ELIX 40	diclofenac epolamine PTCH EX ... 43	DILANTIN SUSP (phenytoin) 13
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 40	diclofenac potassium TABS 50 MG . 4	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13
dexamethasone sodium phosphate (ophth) 61	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX 43	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 37
dexamethasone SOLN 40	diclofenac sodium (ophth) 62	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 37
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG 40	diclofenac sodium (topical) GEL EX 43	diltiazem hcl CP12 37
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG 40	diclofenac sodium TB24 4	diltiazem hcl CP24 37
dexlansoprazole 66	diclofenac sodium TBEC 4	diltiazem hcl extended release beads 37
	diclofenac w/ misoprostol TBEC 4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML .. 37
	dicloxacillin sodium 63	

DILTIAZEM HCL SOLR	37	160 MG/16ML (docetaxel)	32	doxorubicin hcl SOLN	27
diltiazem hcl TABS	37	docetaxel SOLN 80 MG/8ML, 160		doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	
diltiazem hcl TB24	37	MG/16ML	32		27
dimethyl fumarate CDPK	64	DOCIVYX SOLN 20 MG/2ML	32	doxycycline (monohydrate) CAPS 50	
dimethyl fumarate CPDR	64	DOCIVYX SOLN 80 MG/8ML, 160		MG, 100 MG	65
DIPENTUM	50	MG/16ML	32	doxycycline (monohydrate) CAPS 75	
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG		docusate calcium	53	MG	65
18		docusate sodium CAPS 100 MG ..	53	doxycycline (monohydrate) TABS	
diphenhydramine hcl ELIX 12.5		docusate sodium CAPS 250 MG ..	53	100 MG	65
MG/5ML	18	dofetilide	9	doxycycline (monohydrate) TABS 50	
diphenhydramine hcl LIQD 12.5		donepezil hydrochloride TABS 10		MG, 75 MG	65
MG/5ML	18	MG	63	doxycycline hyclate CAPS	65
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	donepezil hydrochloride TABS 5 MG,		doxycycline hyclate TABS 20 MG,	
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	23 MG	63	100 MG	65
dipyridamole	52	donepezil hydrochloride TBDP 10		doxylamine-pyridoxine TBEC	17
disopyramide phosphate CAPS	8	MG	63	dronabinol CAPS	17
disulfiram	63	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG		drospirenone-ethinyl estradiol	39
divalproex sodium TB24	13	63		drospirenone-ethinyl estradiol-	
divalproex sodium TBEC	13	dorzolamide hcl	62	levomefolate calcium	39
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML		dorzolamide hcl-timolol maleate ..	60	DROXIA CAPS	52
(docetaxel)	32	DOVATO	34	DUAVEE	49
docetaxel CONC 20 MG/ML	31	doxazosin mesylate	19	DULERA	10
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML ...	32	doxepin hcl (antipruritic)	43	duloxetine hcl CPEP	14
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML,		doxepin hcl (sleep)	53	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	
160 MG/8ML (docetaxel)	32	doxepin hcl CAPS	14	46	
docetaxel CONC 80 MG/4ML, 160		doxepin hcl CONC	14	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	46
MG/8ML	31	doxercalciferol CAPS	49	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML,		doxercalciferol SOLN	49	46	
160 MG/8ML	31	DOXIL SUSP (doxorubicin hcl		DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	46
DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML		liposomal)	27	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
(docetaxel)	32	doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	27	DEVI	54
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	32	DOXORUBICIN HCL SOLN		DUREX EXTRA SENSITIVE THIN	
DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML,		(doxorubicin hcl)	27	MISC	54
				DUREX TROPICAL MISC	54

dutasteride	51	ELZONRIS	31	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
dutasteride-tamsulosin hcl	51	EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	55	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
econazole nitrate CREA	42	EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	55	ENGRIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	67
EDARBI	19	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2		ENGRIX-B SUSY	67
EDURANT	34	GEN	55	ENHERTU	25
efavirenz CAPS 200 MG	34	EMBECTA PEN NEEDLE		enoxaparin sodium SOLN IJ 300	
efavirenz CAPS 50 MG	34	ULTRAFINE	55	MG/3ML	11
efavirenz TABS	34	EMCYT	26	enoxaparin sodium SOSY 100	
efavirenz-emtricitabine-tenofovir		EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY		MG/ML, 150 MG/ML	11
disoproxil fumarate	34	55		enoxaparin sodium SOSY 30	
efavirenz-lamivudine-tenofovir		EMGALITY SOAJ	55	MG/0.3ML	11
disoproxil fumarate	34	EMGALITY SOSY	55	enoxaparin sodium SOSY 40	
ELAPRASE	49	EMPLICITI	25	MG/0.4ML	11
electrolyte-148	57	EMSAM	13	enoxaparin sodium SOSY 60	
electrolyte-a	57	emtricitabine CAPS	34	MG/0.6ML	11
ELESTRIN GEL	49	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir		enoxaparin sodium SOSY 80	
eletriptan hydrobromide	56	disoproxil fumarate	35	MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	26	emtricitabine-tenofovir disoproxil		ENSACOVE CAPS PO 25 MG, 100	
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45		fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-		MG	28
MG	26	200 MG, 167 MG-250 MG	35	entacapone	32
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK		emtricitabine-tenofovir disoproxil		entecavir TABS	36
TBPK	10	fumarate 200 MG-300 MG	35	EPIDIOLEX	12
ELIQUIS TABS	10	EMTRIVA SOLN	35	epinastine hcl (ophth)	62
ELITEK	31	EMVERM CHEW	7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	70
ELLA	40	enalapril maleate &		eplerenone	20
ELLENCE SOLN 200 MG/100ML ..	27	hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG		epoprostenol sodium	38
ELLENCE SOLN 50 MG/25ML	27	20		eptifibatide 200 MG/100ML	52
ELMIRON CAPS	51	enalapril maleate &		EQL PRENATAL FORMULA TABS	
eltrombopag olamine PACK 12.5		hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		59	
MG, 25 MG	52	enalapril maleate TABS	19	EQUETRO 100 MG	33
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG,		ENBREL MINI SOCT	4	EQUETRO 200 MG	33
25 MG, 50 MG, 75 MG	52	ENBREL SOLN	4	EQUETRO 300 MG	33
		ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	ERBITUX	25

ergocalciferol CAPS	70	estradiol GEL	49	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	58
ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	70	estradiol PTTW	49	everolimus TABS	28
ergoloid mesylates TABS	64	estradiol PTWK	49	everolimus TBSO	28
ERGOMAR SUBL	56	estradiol TABS	49	EVEXITHROID TABS 180 MG	65
ergotamine w/ caffeine TABS	56	estradiol vaginal CREA	69	EVOMELA IV	23
eribulin mesylate	32	estradiol vaginal TABS	69	EVOTAZ	35
ERIVEDGE	26	estradiol valerate	49	exemestane	26
ERLEADA 240 MG	26	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	49	EXKIVITY	25
ERLEADA 60 MG	26	eszopiclone	53	ezetimibe	19
erlotinib hcl	25	ethacrynic acid	47	ezetimibe-simvastatin	18
ERTACZO	42	ethambutol hcl TABS	22	famciclovir 125 MG, 250 MG	36
ertapenem sodium IJ	21	ethosuximide CAPS	13	famciclovir 500 MG	36
erythromycin (acne aid) PADS	41	ethosuximide SOLN	13	famotidine in nacl SOLN	66
erythromycin (acne aid) SOLN	41	ethynodiol diacet & eth estrad	39	famotidine SUSR	66
erythromycin (ophth)	61	ETHYOL	31	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	66
erythromycin base CPEP	54	etodolac CAPS	4	FANAPT	33
erythromycin base TABS	54	etodolac TABS	4	FANAPT TITRATION PACK A	33
erythromycin base TBEC	54	etonogestrel-ethinyl estradiol	39	FANTASY LUBRICATED MISC ...	54
erythromycin ethylsuccinate SUSR 54		ETOPOPHOS	32	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 54	
erythromycin ethylsuccinate TABS 54		etoposide CAPS	32	FARESTON (toremifene citrate) ..	26
escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	32	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16
escitalopram oxalate TABS	13	etravirine 100 MG	35	FASENRA PEN SOAJ	9
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12	etravirine 200 MG	35	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9
esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	66	EUCRISA	46	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	66	EULEXIN	26	FC2 FEMALE CONDOM	54
esomeprazole magnesium TBEC ..	66	EVAMIST SOLN	49	febuxostat	51
estazolam	53	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	58	felbamate SUSP	13

felbamate TABS 400 MG 13	floxuridine 24	fluocinolone acetonide OIL 45
felbamate TABS 600 MG 13	FLUAD 67	fluocinolone acetonide OINT 45
felodipine 37	FLUAD QUADRIVALENT 67	fluocinolone acetonide SOLN 45
FEMARA (letrozole) 26	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 67	fluocinonide CREA 0.05 % 45
FEMCAP DEVI 54	FLUARIX SUSY 67	fluocinonide CREA 0.1 % 45
FEMLYV TBDP 39	FLUBLOK QUADRIVALENT 68	fluocinonide emulsified base 45
FEMRING 69	FLUBLOK SOSY 68	fluocinonide GEL 45
fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ... 18	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP 68	fluocinonide OINT 45
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG 18	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY 68	fluocinonide SOLN 45
fenoprofen calcium TABS 4	FLUCELVAX SUSP 68	fluorometholone (ophth) SUSP 61
FENSOLVI (6 MONTH) SC 48	FLUCELVAX SUSY 68	fluorouracil (topical) CREA 5 % ... 43
fentanyl citrate LPOP 5	fluconazole SUSR 17	fluorouracil (topical) SOLN 2 % ... 43
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR 5	fluconazole TABS 17	fluorouracil (topical) SOLN 5 % ... 43
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML 52	flucytosine 17	fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML 24
ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG 52	fludarabine phosphate SOLN 24	fluorouracil 500 MG/10ML 24
ferrous sulfate TBEC 325 MG 52	FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN 24	fluoxetine hcl CAPS 13
fesoterodine fumarate 66	fludarabine phosphate SOLR 24	fluoxetine hcl CPDR 14
FETZIMA CP24 14	fludrocortisone acetate TABS 40	fluoxetine hcl SOLN 14
FETZIMA TITRATION C4PK 14	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 68	fluoxetine hcl TABS 14
fidaxomicin TABS 200 MG 54	FLULAVAL SUSY 68	fluphenazine hcl CONC 34
finasteride 51	FLUMIST 68	fluphenazine hcl ELIX 34
fingolimod hcl 64	FLUMIST QUADRIVALENT 68	fluphenazine hcl SOLN 34
FIRMAGON (240 MG DOSE) 26	flunisolide (nasal) 60	fluphenazine hcl TABS 1 MG 34
FIRMAGON 80 MG 26	fluocinolone acetonide (otic) 62	fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 34
flavoxate hcl 67	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 45	flurandrenolide CREA 45
flecainide acetate 8	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % 45	flurandrenolide LOTN 45
		flurazepam hcl 53
		flurbiprofen sodium 62
		flurbiprofen TABS 4

fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	9	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FREESTYLE LIBRE READER	55
fluticasone furoate-vilanterol	10	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	frovatriptan succinate	56
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	FRUZAQLA	24
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 60		fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	FT PRENATAL TABS	59
fluticasone propionate CREA 0.05 % 45		FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	fulvestrant SOSY	26
fluticasone propionate hfa	9	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	47
fluticasone propionate LOTN	45		furosemide TABS	47
fluticasone propionate OINT	45		FUZEON SOLR	35
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	formoterol fumarate NEBU	gabapentin CAPS	12
fluticasone-salmeterol AERO	10	FOSAMAX PLUS D	gabapentin SOLN	12
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..	18	fosamprenavir calcium TABS	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ..	19	fosfomycin tromethamine	galantamine hydrobromide CP24 ..	63
fluvoxamine maleate TABS	14	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	galantamine hydrobromide SOLN ..	63
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	68	fosinopril sodium	galantamine hydrobromide TABS ..	63
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	68	fosphenytoin sodium	ganciclovir sodium SOLR	35
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 68		FOTIVDA	ganirelix acetate	48
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 68		FRAGMIN SOSY	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	68
FLUZONE SUSP	68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	68
FLUZONE SUSY	68		gatifloxacin (ophth)	61
FML FORTE SUSP	61	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	GAVRETO	28
folic acid TABS	52	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	GAZYVA	25
FOLOTYN 20 MG/ML	24	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	gefitinib	25
FOLOTYN 40 MG/2ML	24	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	GEMCITABINE HCL SOLN (gemcitabine hcl)	24
		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	gemcitabine hcl SOLN	24
		FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	GEMCITABINE HCL SOLN	24
		FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	gemcitabine hcl SOLR 1 GM	24
			gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24

gemfibrozil TABS18	MG 14	haloperidol decanoate33
GENOTROPIN CART SC48	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG14	haloperidol lactate CONC33
GENOTROPIN MINISQUICK PRSY 48	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 51	haloperidol lactate SOLN33
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 66	haloperidol TABS33
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..61	glycopyrrolate TABS 1 MG 66	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML68
gentamicin sulfate (topical) CREA .42	glycopyrrolate TABS 2 MG 66	HEMANGEOL SOLN PO36
gentamicin sulfate (topical) OINT ..42	GLYXAMBI14	HEMATINIC/FOLIC ACID52
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML2	GNP PRENATAL TABS59	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11
GENVOYA35	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS59	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML11
GILOTRIF25	GOHIBIC51	HEPLISAV-B SOSY68
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 64	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...47	HERCEPTIN 150 MG25
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 64	GOMEKLI CAPS PO 1 MG, 2 MG .29	HERCEPTIN HYLECTA28
GLEEVEC TABS (imatinib mesylate) 28	GOMEKLI TBSO PO 1 MG29	HERNEXEOS TABS PO 60 MG ...25
GLEOSTINE (lomustine)23	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HERZUMA25
glimepiride 1 MG, 2 MG16	granisetron hcl TABS17	HIBERIX SOLR IJ67
glimepiride 4 MG16	GRASSTK SUBL2	HUMATROPE CART IJ48
glipizide TABS 5 MG, 10 MG16	griseofulvin microsize SUSP17	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML3
glipizide TB2416	griseofulvin microsize TABS17	HUMIRA (2 PEN) AJKT3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG14	griseofulvin ultramicrosize17	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG14	guanfacine hcl (adhd)1	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT3
GLUCAGEN DIAGNOSTIC46	guanfacine hcl19	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT3
glucagon SOLR IJ 1 MG15	GYNAZOLE-169	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT3
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG16	HAEGARDA SOLR SC51	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT3
glyburide TABS16	HALAVEN (eribulin mesylate)32	
glyburide-metformin 250 MG-1.25	halcinonide CREA45	
	halobetasol propionate CREA45	
	halobetasol propionate OINT45	
	HALOG OINT45	

HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22
HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC15	hydrocortisone (intrarectal)7	hydroxyurea31
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC15	hydrocortisone (rectal) EX7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8
HYCAMTIN CAPS32	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %45	hydroxyzine hcl SYRP 8
HYCAMTIN SOLR (topotecan hcl) 32	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 45	hydroxyzine hcl TABS8
hydralazine hcl SOLN20	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %45	hydroxyzine pamoate CAPS8
hydralazine hcl TABS20	hydrocortisone acetate (rectal)7	HYPERSAL NEBU41
hydrochlorothiazide CAPS47	hydrocortisone butyrate CREA 45	HYQVIA 62
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 48	hydrocortisone butyrate OINT 45	HYRNUO TABS PO 10 MG 29
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG47	hydrocortisone butyrate SOLN 45	ibandronate sodium SOLN 48
hydrocodone bitartrate CP12 5	hydrocortisone sod succinate 100 MG40	ibandronate sodium TABS48
hydrocodone bitartrate T24A5	hydrocortisone TABS40	IBRANCE CAPS29
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .40	hydrocortisone vaginal69	IBRANCE TABS 29
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML 6	hydrocortisone valerate CREA 45	IBTROZI CAPS PO 200 MG29
hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML 6	hydrocortisone valerate OINT 45	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML4
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG6	hydrocortisone w/acetic acid62	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	hydromorphone hcl LIQD 5	ibuprofen TABS 800 MG4
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	icatibant acetate SOSY51
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG7	hydromorphone hcl TABS5	ICLUSIG29
	hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	icosapent ethyl 1 GM 18
	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG5	IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML (idarubicin hcl) 27
	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML (idarubicin hcl)27
		idarubicin hcl 20 MG/20ML 27
		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML27
		IDHIFA29

IFEX SOLR (ifosfamide)	23	INREBIC	29	ISOLYTE-S	57
IFEX SOLR	23	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	15	isoniazid SOLN	22
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23			isoniazid SYRP	22
ifosfamide SOLN 3 GM/60ML	23	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	16	isoniazid TABS	22
ifosfamide SOLR	23			isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	
IFOSFAMIDE SOLR	23	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL)		MG, 20 MG, 30 MG	8
imatinib mesylate TABS	29	SOPN	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
IMBRUVICA CAPS 140 MG	29	INSULIN LISPRO JUNIOR		37	
IMBRUVICA CAPS 70 MG	29	KWIKPEN SOPN	16	isosorbide mononitrate TABS	8
IMBRUVICA SUSP	29	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO		isosorbide mononitrate TB24	8
IMBRUVICA TABS	29	SUPN	16	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
IMFINZI	25	INSULIN LISPRO SOLN IJ	16	40 MG	41
imipramine hcl TABS	14	INTELENCE 25 MG	35	isradipine CAPS	37
imipramine pamoate	14	IONOSOL-MB IN D5W	57	ISTODAX SOLR (romidepsin)	29
imiquimod 5 %	46	IPOL IJ	68	ITOVEBI	29
		ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	60	itraconazole CAPS	17
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT				itraconazole SOLN	17
4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	56	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	60	ivabradine hcl TABS	38
IMITREX STATDOSE SYSTEM				ivermectin (pediculicide)	46
SOAJ 4 MG/0.5ML	56	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	ivermectin	8
IMKELDI SOLN	29	ipratropium-albuterol SOLN	10	IWILFIN	31
INCRELEX	48	irbesartan	19	IXEMPRA KIT 15 MG	32
INCRUSE ELLIPTA	9	irbesartan-hydrochlorothiazide ...	20	IXEMPRA KIT 45 MG	32
indapamide TABS 1.25 MG	48	IRESSA (gefitinib)	25	JAKAFI	29
indapamide TABS 2.5 MG	48	irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500		JANUMET TABS	14
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	MG/25ML	32	JANUMET XR TB24 1000 MG-100	
indomethacin CPR	4	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100		MG	14
INFANRIX	65	MG/5ML	32	JANUMET XR TB24 1000 MG-50	
INFLECTRA SOLR	50	irrigation solutions, physiological ..	58	MG, 500 MG-50 MG	14
INLURIYO TABS PO 200 MG	26	ISENTRESS CHEW	35	JANUVIA	15
INLYTA	24	ISENTRESS HD TABS	35	JARDIANCE	16
INQOVI	28	ISENTRESS TABS	35	JAYPIRCA	29
		ISOLYTE-P IN D5W	57		

JELMYTO SOLR UL	27	KIMONO MAXX-LARGE FLARE	labetalol hcl TABS 300 MG	36
JEVTANA	32	MISC	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50	
JULUCA	35	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .	MG/5ML, 100 MG/10ML	12
JYLAMVO SOLN PO	24	54	lacosamide TABS	12
JYNNEOS	68	KIMONO MISC	lactated ringer's (irrigation)	58
KADCYLA	25	KIMONO PLUS MISC	lactic acid (ammonium lactate) CREA	
KALETRA SOLN	35	KIMONO PS MISC		46
KALYDECO TABS	64	KIMONO PS PLUS MISC	lactic acid (ammonium lactate) LOTN	
KAMELEON LUBRICATED MISC .	54	KIMONO SENSATION MISC	12 %	46
KANJINTI	25	KIMONO SENSATION PLUS MISC	lactulose (encephalopathy)	50
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40		54	lactulose SOLN	53
MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in		KIMONO SPECIAL DEVI	lamivudine (hbv) TABS	36
dextrose & sodium chloride)	57	KINRIX SUSY	lamivudine SOLN	35
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	57	KISQALI (200 MG DOSE)	lamivudine TABS 150 MG	35
KEMOPLAT SOLN	23	KISQALI (400 MG DOSE)	lamivudine TABS 300 MG	35
KESIMPTA	64	KISQALI (600 MG DOSE)	lamivudine-zidovudine	35
ketoconazole (topical) CREA	42	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .	lamotrigine CHEW 25 MG	12
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	42	28	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketoconazole	17	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .	lamotrigine TABS	12
KETONE TEST STRP	47	28	lamotrigine TBDP	12
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	37
ketorolac tromethamine (ophth) ...	62	28	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
ketorolac tromethamine TABS	4	KOMZIFTI CAPS PO 200 MG	MCG, 250 MCG (digoxin)	37
KETOSTIX STRP	47	29	lansoprazole CPDR 15 MG	66
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		KOSELUGO	lansoprazole CPDR 30 MG	66
62		KOSELUGO PO 5 MG, 7.5 MG ...	lanthanum carbonate CHEW	51
KEVZARA SOAJ	3	29	lapatinib ditosylate	29
KEVZARA SOSY	3	KP PRENATAL MULTIVITAMINS	LASTACRAFT	62
KEYTRUDA	25	TABS	latanoprost SOLN	62
KHAPZORY 175 MG	31	KRAZATI	LAZCLUZE	25
KIMONO COLORS DEVI	54	29	leflunomide	4
		KRINTAFEL		
		22		
		KYPROLIS		
		29		
		labetalol hcl SOLN		
		36		
		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .		
		36		

LEMTRADA	64	levetiracetam TB24	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	58
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	58	levobunolol hcl 0.5 %	61	lidocaine hcl GEL 2 %	46
lenalidomide 20 MG	58	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine hcl PRSY	46
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	24	levocetirizine dihydrochloride TABS 18		lidocaine hcl SOLN	46
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .	25	levofloxacin (ophth) 0.5 %	61	lidocaine PTCH 5 %	46
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .	25	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 50		lidocaine-prilocaine CREA	46
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .	25	levofloxacin SOLN PO	50	lincomycin hcl	21
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .	25	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 50		linezolid SUSR	21
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .	25	levofloxacin TABS 500 MG	50	linezolid TABS	21
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	25	levoleucovorin calcium SOLN	31	LINZESS	50
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	25	levoleucovorin calcium SOLR	31	liothyronine sodium SOLN	65
letrozole	26	levonorgestrel & eth estradiol TABS 39		liothyronine sodium TABS	65
leucovorin calcium SOLN IJ 500 MG/50ML	31	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	40	liraglutide	15
leucovorin calcium SOLR	31	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	39	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	
leucovorin calcium TABS	31	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	39	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	
LEUKERAN	23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	39	lisinopril & hydrochlorothiazide	20
LEUKINE SOLR IJ	52	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 39		lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	26	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lithium	33
LEUPROLIDE ACETATE- BUPIVACAINE	26	levothyroxine sodium TABS	65	lithium carbonate CAPS	33
levalbuterol hcl	10	LEVULAN KERASTICK SOLR	43	lithium carbonate TABS	33
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	LEXIVA SUSP	35	lithium carbonate TBCR	33
levalbuterol tartrate	10	LIBTAYO	25	LO LOESTRIN FE TABS	39
levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	58	lofexidine hcl	63
levetiracetam TABS 1000 MG	12			LOKELMA	58
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12			lomustine	23
levetiracetam TABS 500 MG	12			LONSURF	28
				loperamide hcl CAPS	16
				lopinavir-ritonavir SOLN	35
				lopinavir-ritonavir TABS	35

LOQTORZI	25	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM ..	26	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	40
loratadine CAPS	18	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) ..	48	medroxyprogesterone acetate 10 MG	63
loratadine CHEW	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)		medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	63
loratadine SOLN	18	30 MG	48	mefenamic acid CAPS	4
loratadine TABS	18	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	33	mefloquine hcl	22
loratadine TBDP	18	lurasidone hcl 80 MG	33	megestrol acetate (appetite)	63
lorazepam CONC	8	LUTATHERA	31	megestrol acetate SUSP	26
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	LYNPARZA TABS	29	megestrol acetate TABS	26
lorazepam TABS 1 MG	8	LYSODREN	26	MEKINIST SOLR	29
LORBRENA	29	LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE) ..	29	MEKINIST TABS 0.5 MG	29
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE) ..	29	MEKINIST TABS 2 MG	29
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE) ..	29	MEKTOVI	29
losartan potassium	19	mafenide acetate PACK	44	meloxicam TABS	4
LOTEMAX OINT	61	malathion	46	melphalan	23
loteprednol etabonate GEL	61	maraviroc TABS 150 MG	35	melphalan hcl IV	23
loteprednol etabonate SUSP	61	maraviroc TABS 300 MG	35	memantine hcl TABS	63
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MARPLAN	13	MENACTRA	67
lovastatin TABS 40 MG	19	MASONATAL TABS	59	MENEST 2.5 MG	49
loxapine succinate	34	MATRONEX TABS	59	MENOSTAR PTWK	49
lubiprostone	50	MATULANE	31	MENQUADFI 0.5 ML	67
luliconazole	42	MAXIDEX SUSP OP	61	MENVEO SOLR	67
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	29	MAXX MISC	54	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
LUMAKRAS 320 MG	29	MAXX PLUS MISC	54	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	26	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl TABS 50 MG	5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	26	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meprobamate	8
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM ..	26	meclofenamate sodium CAPS	4	mercaptopurine SUSP 2000 MG/100ML	24
		MEDROL TABS	40		
		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	40		

mercaptopurine TABS	24	methimazole TABS	65	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2
mesalamine CP24	50	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	60	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2
mesalamine CPDR	50	methotrexate sodium SOLN 1 GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000 MG/40ML	24	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2
mesalamine ENEM	50	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24	methylphenidate PTCH	2
mesalamine SUPP	50	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML	24	methylprednisolone acetate SUSP 40	
mesalamine TBEC 1.2 GM	50	methotrexate sodium SOLR	24	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	40
mesalamine TBEC 800 MG	50	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24		methylprednisolone TABS	40
mesna SOLN	31	methoxsalen rapid	43	methylprednisolone TBPK	40
mesna TABS	31	methscopolamine bromide	66	methyltestosterone TABS	7
MESNEX SOLN (mesna)	31	methsuximide	13	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	50
MESNEX TABS	31	methyldopa TABS	19	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	50
metaxalone 800 MG	60	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1		metoclopramide hcl TABS	50
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1		metolazone	48
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..1		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20
metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG	1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..1		metoprolol succinate TB24 200 MG 36	
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	36
methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl CPCR	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	36
METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)	5	methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	36
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5		methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) CREA	46
methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2		metronidazole (topical) GEL 0.75 % 46	
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5		methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2		
methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2		
methadone hcl TABS 5 MG	5				
methadone hcl TBSO	5				
methamphetamine hcl	1				
methazolamide TABS	47				
methenamine hippurate	21				

metronidazole (topical) GEL 1 % .. 46	MODERNA COVID-19 BIVALENT 68	moxifloxacin hcl in sodium chloride 50
metronidazole (topical) LOTN 46		
metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 21	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP 68	moxifloxacin hcl TABS 50
metronidazole vaginal 69	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY 68	MRESVIA 68
mexiletine hcl 8	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP 68	MULTI PRENATAL TABS 59
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 69	MODEYSO CAPS PO 125 MG ... 27	mupirocin OINT 42
midodrine hcl 70	moexipril hcl 19	MVASI 25
miglitol 14	mometasone furoate (nasal) SUSP 60	MYALEPT 49
miglustat 52	mometasone furoate CREA 45	mycophenolate mofetil CAPS 58
minocycline hcl CAPS 65	mometasone furoate OINT 45	mycophenolate mofetil TABS 58
minocycline hcl TABS 65	mometasone furoate SOLN 45	mycophenolate sodium 58
minoxidil 2.5 MG, 10 MG 20	MONJUVI 25	MYLERAN TABS 23
mirabegron TB24 67	montelukast sodium CHEW 9	nabumetone 4
MIRCERA 52	montelukast sodium PACK 9	nadolol TABS 20 MG 37
mirtazapine TABS 13	montelukast sodium TABS 9	nadolol TABS 40 MG 37
mirtazapine TBDP 13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 6	nadolol TABS 80 MG 37
misoprostol 66	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML 6	nafcillin sodium IV 10 GM 63
mitomycin SOLR IV 20 MG 28	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML 6	naftifine hcl CREA 1 % 42
mitomycin SOLR IV 5 MG, 40 MG .27	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML 6	naftifine hcl CREA 2 % 42
MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML .28	morphine sulfate TABS 6	naloxone hcl LIQD 16
mitoxantrone hcl 20 MG/10ML, 30 MG/15ML 28	morphine sulfate TBCR 6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML 17
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML .. 28	MOTOFEN 16	naltrexone hcl 17
M-M-R II SOLR 68	MOVANTIK 51	naproxen sodium TABS 550 MG ... 4
M-NATAL PLUS TABS 59		naproxen SUSP 4
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 68		naproxen TABS 4
modafinil 100 MG 2		naproxen TBEC 500 MG 4
modafinil 200 MG 2	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 61	naratriptan hcl 56
		NATACYN 61
		NATAZIA 39
		nateglinide 16

NAYZILAM	11	nevirapine TB24 400 MG	35	nimodipine CAPS	37
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 36		NEXAVAR (sorafenib tosylate) ...	29	NINLARO	29
nebivolol hcl 20 MG	36	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	66	NIPENT	31
NEBUSAL NEBU	41	NEXTSTELLIS	39	nisoldipine	37
nefazodone hcl	14	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitazoxanide TABS	21
nelarabine	24	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...	70	nitisinone CAPS	49
neomycin sulfate TABS	2	NIACIN ER TBCR	70	NITRO-BID OINT	8
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	61	niacin TABS	70	nitrofurantoin	21
neomycin-polymy-dexameth OINT	61	niacin TBCR	70	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	21
neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %	61	niacinamide TABS 100 MG	70	nitrofurantoin monohyd macro	21
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	61	niacinamide TABS 500 MG	70	nitroglycerin (intra-anal)	7
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	62	nicardipine hcl CAPS	37	nitroglycerin CPCR	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	62	nicardipine hcl SOLN	37	nitroglycerin PT24	8
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	59	NICOTINE KIT	64	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
NEONATAL PLUS TABS	59	nicotine polacrilex GUM	64	nitroglycerin SUBL	8
NEONATAL PRENATAL TABS ...	59	nicotine polacrilex LOZG	64	NIVA-PLUS TABS	59
NEONATAL VITAMIN TABS	59	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	64	nizatidine CAPS	66
neostigmine methylsulfate SOSY ..	22	NICOTROL INHA	64	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	48
NEO-SYNALAR	42	NICOTROL NS SOLN	64	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	48
NERLYNX	29	nifedipine CAPS 10 MG	37	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	39
NEUPRO	33	nifedipine CAPS 20 MG	37	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	39
NEVANAC	62	nifedipine TB24 60 MG	37	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	39
nevirapine SUSP	35	nifedipine TB24 90 MG	37	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	39
nevirapine TABS	35	nifedipine TB24	37	norethindrone & eth estradiol	39
		NILANDRON (nilutamide)	26	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 39	
		NILOTINIB D-TARTRATE CAPS PO 50 MG, 150 MG, 200 MG	29		
		nilotinib hcl 150 MG, 200 MG	29		
		nilotinib hcl 50 MG	29		
		nilutamide	26		

norethindrone (contraceptive)40	NOVOLIN R SOLN IJ16	OJJAARA29
norethindrone acet & eth estra TABS 39	NOVOLOG FLEXPEN SOPN16	olanzapine SOLR34
norethindrone acetate TABS63	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..34
norethindrone acetate-ethinyl estradiol49	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP16	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG34
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe39	NOVOLOG PENFILL SOCT16	olanzapine TBDP 20 MG34
norethindrone-eth estradiol (triphasic)39	NOVOLOG SOLN IJ16	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG34
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)39	NP THYROID TABS65	olmesartan medoxomil19
norgestimate-ethinyl estradiol39	NUBEQA26	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide20
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG39	NUDEXTA64	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide20
NORMOSOL-M IN D5W57	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML69	olopatadine hcl (nasal)60
NORMOSOL-R PH 7.457	nystatin (mouth-throat)58	olopatadine hcl 0.1 %62
nortriptyline hcl CAPS14	nystatin (topical) CREA42	olopatadine hcl 0.2 %62
nortriptyline hcl SOLN14	nystatin (topical) OINT42	omega-3-acid ethyl esters18
NORVIR CAPS35	nystatin (topical) POWD EX42	omeprazole CPDR66
NORVIR PACK35	nystatin TABS17	omeprazole magnesium CPDR66
NOVA MAX PLUS KETONE TEST 47	nystatin-triamcinolone CREA42	omeprazole TBEC66
NOVAREL IM 10000 UNIT48	nystatin-triamcinolone OINT42	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG66
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP68	NYVEPRIA52	OMNIFLEX DIAPHRAGM54
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY68	octreotide acetate SOLN49	ONCASPAR31
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 16	ODEFSEY35	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17
NOVOLIN 70/30 SUSP16	ODOMZO26	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML17
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN16	OFEV64	ondansetron hcl SOSY17
NOVOLIN N SUSP16	ofloxacin (ophth)61	ondansetron hcl TABS 24 MG17
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..16	ofloxacin (otic)62	ondansetron hcl TABS 4 MG17
	ofloxacin 300 MG, 400 MG50	ondansetron hcl TABS 8 MG17
	OGIVRI25	
	OGSIVEO29	
	OJEMDA SUSR29	
	OJEMDA TABS29	

ondansetron TBDP 4 MG17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML23	paclitaxel 30 MG/5ML, 300 MG/50ML32
ondansetron TBDP 8 MG17	oxaliplatin SOLR23	PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PART32
ONE VITE WOMENS PLUS TABS 59	oxaprozin TABS4	paclitaxel protein-bound particles .32
ONE VITE WOMENS TABS59	oxazepam CAPS8	PADCEV25
ONIVYDE IV 43 MG/10ML32	oxcarbazepine SUSP12	paliperidone33
ONTRUZANT25	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG12	palonosetron hcl SOLN17
ONUREG TABS24	oxcarbazepine TABS 600 MG12	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML48
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML25	oxiconazole nitrate CREA42	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 48
OPDUALAG28	OXISTAT LOTN42	PANRETIN43
OPILL40	oxybutynin chloride SOLN66	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 66
ORENITRAM TBCR38	oxybutynin chloride TABS 5 MG ..66	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 66
ORGOVYX26	oxybutynin chloride TB2466	paricalcitol CAPS49
ORILISSA48	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG6	paricalcitol SOLN49
ORKAMBI PACK64	oxycodone hcl TABS6	paroxetine hcl SUSP14
ORKAMBI TABS64	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	paroxetine hcl TABS14
ORLADEYO52	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG7	paroxetine hcl TB2414
orphenadrine citrate TB1260	oxymorphone hcl TABS6	pazopanib hcl29
orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG60	oxymorphone hcl TB12 40 MG6	PEDIARIX SUSY65
ORSERDU26	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	pediatric multivitamins w/fl CHEW .59
oseltamivir phosphate CAPS36	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN15	PEDVAX HIB SUSP67
oseltamivir phosphate SUSR36	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML15	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid53
OSPHENA48	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...15	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 53
OTEZLA TABS4	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML32	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride53
OTEZLA TBPK4		
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG4		
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK4		
oxacillin sodium IV 10 GM63		

PEGASYS SOLN	36	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	PHESGO	28
PEGASYS SOSY	36	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	19	PHEXX	69
PEMAZYRE	30	perindopril erbumine 4 MG	19	PHEXXI	69
PEMETREXED	24	PERJETA	25	PHOTOFRIN	31
PEMETREXED DISODIUM SOLN 500 MG/20ML	24	permethrin CREA	46	PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	30
pemetrexed disodium SOLR 100 MG, 750 MG, 1000 MG	24	permethrin LIQD EX	46	PIFELTRO	35
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		perphenazine TABS	34	pilocarpine hcl (oral)	59
PEMETREXED DITROMETHAMINE	24	perphenazine-amitriptyline	63	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 61	
PEMFEXY	24	PERSERIS PRSY	33	pimecrolimus	46
PENBRAYA	67	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 69		pimozide	64
peniclovir	44	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	69	pindolol TABS	37
penicillamine CAPS	57	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	69	pioglitazone hcl	16
penicillamine TABS	57	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	69	pioglitazone hcl-glimepiride	15
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML . 62		PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	69	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	
penicillin g potassium 5000000 UNIT 62		phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	51	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) . 30	
penicillin g sodium	62	phendimetrazine tartrate TABS	1	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) . 30	
penicillin v potassium SOLR	63	phenelzine sulfate	13	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) . 30	
penicillin v potassium TABS	63	phenobarbital ELIX	53	pirfenidone CAPS	65
PENMENVY SUSR IM	67	phenobarbital TABS	53	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 65	
PENTACEL	65	phenoxybenzamine hcl	19	pirfenidone TABS 534 MG	65
pentamidine isethionate IN	21	phentermine hcl CAPS	1	piroxicam CAPS	4
pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenytoin CHEW	13	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	57
pentoxifylline	51	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) . 57	
perampanel TABS 2 MG	11	phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY SOAJ	64
perampanel TABS 4 MG	11	phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY SOSY SC	64
perampanel TABS 6 MG	11			PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ .	

64	MEQ, 20 MEQ 57	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG 40
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC 64	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 51	prednisone TBPB 40
PLUVICTO 31	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML 57	pregabalin (once-daily) 330 MG ... 64
PNEUMOVAX 23 SOLN 67	POTELIGEO 25	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG 64
PNEUMOVAX 23 SOSY 67	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD 41	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12
podofilox SOLN 46	pralatrexate 20 MG/ML 24	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ... 12
POLIVY 140 MG 25	pralatrexate 40 MG/2ML 24	pregabalin SOLN 12
polymyxin b-trimethoprim 61	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG 33	PREHEVBRIO 69
POMALYST 27	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG 33	PREMARIN 69
PORTRAZZA 25	prasugrel hcl 52	PREMARIN SOLR 49
posaconazole SUSP 17	pravastatin sodium 19	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated) 49
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 57	praziquantel 8	PREMPHASE 49
potassium bicarbonate TBEF 57	prazosin hcl CAPS 19	PREMPRO 49
potassium chloride CPCR 57	PRECISION XTRA KETONE 47	PRENATAL ONE DAILY TABS 59
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % 57	PRED MILD 61	PRENATAL PLUS TABS 59
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L 57	prednisolone acetate (ophth) 61	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS 59
potassium chloride microencapsulated crystals er 57	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE 61	PRENATAL TABS 59
potassium chloride PACK PO 20 MEQ 57	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 40	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS 59
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 57	prednisolone sodium phosphate TBDP 40	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT 59
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML 57	prednisolone SOLN 40	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10	prednisolone TABS 40	
	prednisone SOLN 40	
	prednisone TABS 1 MG, 5 MG 40	

MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7	propafenone hcl TABS 8	quetiapine fumarate TB24 34
MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT 59	proparacaine hcl 61	quinapril hcl 20 MG, 40 MG 19
PRENATRIX TABS 59	propranolol hcl CP24 37	quinapril hcl 5 MG, 10 MG 19
PRENATRYL TABS 59	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML 37	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG 20
PREVNAR 13 67	propranolol hcl TABS 37	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG 20
PREVNAR 20 67	propylthiouracil 65	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG 20
PREZCOBIX 35	PROQUAD SUSR 69	quinidine sulfate TABS 8
PREZISTA SUSP 35	protriptyline hcl 14	quinine sulfate CAPS 324 MG 22
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG 35	prucalopride succinate 50	QUZYTIR SOLN IV 18
PRIFTIN 22	PULMICORT FLEXHALER AEPB .. 9	QVAR REDHALER 9
primaquine phosphate TABS 22	PULMOZYME 64	rabeprazole sodium TBEC 66
primidone 50 MG, 250 MG 12	PURIXAN SUSP 2000 MG/100ML (mercaptapurine) 24	raloxifene hcl 48
PRIORIX SUSR 69	pyrazinamide 22	ramelteon 53
probenecid 51	pyridostigmine bromide SOLN PO 22	ramipril CAPS 19
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	pyridostigmine bromide TABS 60 MG 22	ranolazine TB12 1000 MG 8
prochlorperazine 34	pyridostigmine bromide TBCR 22	ranolazine TB12 500 MG 8
prochlorperazine maleate TABS ... 34	pyrimethamine 22	rasagiline mesylate 33
progesterone CAPS 63	PYZCHIVA 130 MG/26ML 50	REALITY LATEX CONDOMS MISC . 54
PROGRAF PACK 58	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML 43	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI 54
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus) 58	PYZCHIVA 90 MG/ML 43	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 54
PROLASTIN-C SOLN 64	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML 43	REBIF REBIDOSE SOAJ 64
PROLASTIN-C SOLR 64	QC PRENATAL TABS 59	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ 64
PROLEUKIN 31	QINLOCK 30	REBIF SOSY 64
PROLIA SOSY 48	QUADRACEL SUSP 65	REBIF TITRATION PACK SOSY .. 64
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG 18	QUADRACEL SUSY 65	RECOMBIVAX HB SUSP 69
promethazine hcl SUPP 50 MG ... 18	quazepam 53	
promethazine hcl TABS 18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG 34	
propafenone hcl CP12 8		

RECOMBIVAX HB SUSY	69	riluzole TABS	60	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	33
RELENZA DISKHALER	36	rimantadine hydrochloride TABS ..	36	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	33
RELION KETONE TEST STRP ...	47	ringer's	57	rosuvastatin calcium TABS	19
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	47	ringer's irrigation	58	ROTARIX SUSP	69
RENFLEXIS	50	RINVOQ LQ SOLN	2	ROTATEQ SOLN	69
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	RINVOQ TB24	2	ROZLYTREK CAPS	30
repaglinide 2 MG	16	risedronate sodium TABS 150 MG	48	ROZLYTREK PACK	30
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19	risedronate sodium TABS 35 MG .	48	RUBRACA	30
REPATHA SOSY	19	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	48	rufinamide SUSP	12
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	risedronate sodium TBEC	48	rufinamide TABS 200 MG	12
RETACRIT	52	risperidone microspheres	33	rufinamide TABS 400 MG	12
RETEVMO CAPS	30	risperidone SOLN	33	RUXIENCE	25
RETEVMO TABS	30	risperidone TABS	33	RYBELSUS TABS	15
RETROVIR SOLN	35	risperidone TBDP	33	RYDAPT	30
REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	58	ritonavir TABS	35	sacubitril-valsartan TABS	37
REVLIMID 20 MG	58	RITUXAN	25	salsalate	5
REVUFORJ	27	RITUXAN HYCELA	28	SANTYL OINT	46
REVUFORJ 25 MG	27	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	10	SARCLISA	25
REXULTI	34	rivaroxaban TABS 2.5 MG	10	SAVELLA TABS	63
REZLIDHIA	30	rivastigmine tartrate CAPS	63	SAVELLA TITRATION PACK MISC 63	
REZVOGLAR KWIKPEN	16	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .	56	saxagliptin hcl	15
ribavirin (hepatitis c) CAPS	36	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	56	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 36		rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .	56	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15
RIDAURA	3	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	56	SCSEMBLIX 100 MG	30
rifabutin	22	roflumilast	9	SCSEMBLIX 20 MG, 40 MG	30
rifampin CAPS	22	ROMIDEPSIN SOLN	30	SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP	64
rifampin SOLR	22	romidepsin SOLR	30		
		ROMVIMZA CAPS PO 14 MG, 20 MG, 30 MG	30		
		ropinirole hydrochloride TABS	33		

scopolamine	17	simvastatin TABS	19	40	
SELECT INSULIN SYRINGES	55	sirolimus TABS	58	SOLU-MEDROL 2 GM	40
SELECT LANCETS	55	SIRTURO	22	sorafenib tosylate	30
selegiline hcl CAPS	33	SKYRIZI PEN SOAJ	43	SORBITOL 3 %	51
selegiline hcl TABS	33	SKYRIZI SOCT	50	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	51
selenium sulfide LOTN 2.5 %	44	SKYRIZI SOLN	50	sotalol hcl (afib/afib)	37
SELZENTRY SOLN	35	SKYRIZI SOSY	43	sotalol hcl TABS 240 MG	37
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 35		SLYND	40	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	37
SEREVENT DISKUS	10	SM PRENATAL VITAMINS TABS	59	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	69
sertraline hcl CONC	14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	57	SPIKEVAX SUSP	69
sertraline hcl TABS	14	sodium acetate SOLN	57	SPIKEVAX SUSY	69
sevelamer carbonate PACK	51	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	51	spinosad	46
sevelamer carbonate TABS	51	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	41	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9
SHINGRIX	69	sodium citrate & citric acid	51	spironolactone & hydrochlorothiazide	47
SIGNIFOR	49	sodium fluoride CHEW	57	spironolactone TABS	47
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	38	sodium phenylbutyrate POWD	49	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	38	sodium phenylbutyrate TABS	49	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	38	sodium polystyrene sulfonate POWD 58		SPRYCEL (dasatinib)	30
sildenafil citrate	37	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	58	stannous fluoride CONC	58
silodosin	51	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	53	STELARA 130 MG/26ML	50
silver sulfadiazine	44	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	36	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	43
SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3	solifenacin succinate TABS	66	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	43
SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3	SOLIQUA	15	STELARA SOSY 90 MG/ML	43
SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3	SOLTAMOX SOLN	26	STEQEYMA	50
SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3	SOLU-CORTEF 250 MG	40	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	43
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLU-CORTEF 500 MG	40	STEQEYMA 90 MG/ML	43
SIMULECT	58	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG		STERILE TALC POWDER SUSR	64

STIOLTO RESPIMAT	10	sumatriptan	56	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	38
STIVARGA	30	sumatriptan succinate SOAJ	56	tadalafil 5 MG	37
streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate SOCT	56	TAFINLAR CAPS	30
STRIBILD	35	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	56	TAFINLAR TBSO	30
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate TABS	56	tafluprost	62
STRONTIUM CHLORIDE SR-89 ..	31	sumatriptan-naproxen sodium	56	TAGRISSO 40 MG	26
SUBSYS LIQD 800 MCG	6	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	30	TAGRISSO 80 MG	26
sucralfate SUSP	66	sunitinib malate 37.5 MG	30	TAKHZYRO SOLN	52
sucralfate TABS	66	SUNOSI 150 MG	1	TAKHZYRO SOSY	52
sulconazole nitrate CREA	42	SUNOSI 75 MG	1	TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG	30
sulconazole nitrate SOLN	42	SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG (sunitinib malate)	30	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	30
sulfacetamide sodium (acne)	41	SUTENT 37.5 MG (sunitinib malate) . 30		tamoxifen citrate TABS	26
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 61		SYLVANT	58	tamsulosin hcl	51
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	41	SYMTUZA	35	TARCEVA (erlotinib hcl)	26
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	41	SYNAREL	49	TARGRETIN (bexarotene (topical)) 43	
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	41	SYNJARDY TABS	15	TARGRETIN (bexarotene)	31
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	61	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TASIGNA 150 MG, 200 MG (nilotinib hcl)	30
sulfadiazine TABS	65	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TASIGNA 50 MG (nilotinib hcl)	30
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	SYNRIBO	31	tasimelteon CAPS	53
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	65	tavaborole	42
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	TABLOID	24	tazarotene CREA 0.1 %	43
SULFAMYLON CREA	44	TABRECTA	30	TAZVERIK	30
sulfasalazine TABS	50	tacrolimus (topical) OINT	46	TDVAX SUSP	65
sulfasalazine TBEC	50	tacrolimus CAPS	58	TECENTRIQ	25
sulindac TABS	4	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	58	TEFLARO	39
				TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	
				TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	

12	THALOMID	58	tolcapone	32
telmisartan	theophylline ELIX	10	tolmetin sodium CAPS	4
telmisartan-amlodipine	theophylline SOLN	10	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
telmisartan-hydrochlorothiazide	theophylline TB12	10	TOLSURA CAPS	18
temazepam 15 MG, 30 MG	theophylline TB24	10	tolterodine tartrate CP24	66
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	THERANATAL CORE NUTRITION		tolterodine tartrate TABS	66
TEMODAR SOLR	TABS	59	tolvaptan TABS	49
temozolomide CAPS	thioridazine hcl	34	topiramate CPSP 15 MG	12
temsirolimus	thiotepa 100 MG	23	topiramate CPSP 25 MG	12
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	thiotepa 15 MG	23	topiramate CS24	12
tenofovir disoproxil fumarate TABS	thiothixene	34	topiramate TABS 200 MG	13
35	THYMOGLOBULIN	58	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	13
TEPADINA 100 MG (thiotepa)	THYROGEN 0.9 MG	46	topiramate TABS 50 MG	12
TEPADINA 15 MG (thiotepa)	tiagabine hcl	13	TOPOTECAN HCL SOLN (topotecan	
TEPMETKO	TIBSOVO	30	hcl)	32
terazosin hcl	ticagrelor 60 MG, 90 MG	52	topotecan hcl SOLN	32
terbinafine hcl TABS	timolol maleate (ophth) SOLG	61	topotecan hcl SOLR	32
terbutaline sulfate SOLN	timolol maleate (ophth) SOLN	61	toremifene citrate	26
terbutaline sulfate TABS	timolol maleate TABS	37	TORISEL (temsirolimus)	30
terconazole vaginal CREA	tinidazole	21	torsemide TABS	47
terconazole vaginal SUPP	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG		TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	
teriflunomide		9		38
teriparatide SOPN	TIVICAY PD TBSO	35	tramadol hcl TABS 50 MG	6
TESTOSTERONE CYPIONATE	TIVICAY TABS	35	tramadol hcl TB24	6
SOLN IJ 200 MG/ML	tizanidine hcl CAPS	60	tramadol-acetaminophen	7
testosterone cypionate SOLN IM	tizanidine hcl TABS	60	trandolapril 1 MG, 2 MG	19
testosterone enanthate SOLN IM	tobramycin (ophth) SOLN	61	trandolapril 4 MG	19
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS	tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2	
TD SUSP	tobramycin-dexamethasone SUSP		MG, 240 MG-1 MG	20
tetrabenazine	61		trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	
tetracycline hcl CAPS	TODAY SPONGE MISC	69	MG, 240 MG-4 MG	20

tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	52	triamcinolone acetonide (mouth) ..58	MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	
tranexamic acid TABS	52	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	60	TRIKAFTA TBPK	64
tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	45	trimethobenzamide hcl CAPS	17
travoprost SOLN	62	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	45	trimethoprim TABS	21
TRAZIMERA	25	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	45	trimipramine maleate CAPS	14
trazodone hcl TABS	14	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	45	TRINTELLIX	14
TREANDA SOLR (bendamustine hcl)	23	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	45	TRISENOX (arsenic trioxide)	31
TRELEGY ELLIPTA	10	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	46	TRIUMEQ PD TBSO	35
TRELSTAR MIXJECT	26	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	46	TRIUMEQ TABS	35
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	43	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	40	TRODELVY	32
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 43		triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	47	TROJAN BARESKIN DEVI	54
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	50	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	47	TROJAN MAGNUM MISC	54
TREMFYA SOLN IV	50	triamterene CAPS	47	TROJAN ULTRA THIN MISC	54
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	44	triazolam	53	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	54
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 50		TRICARE TABS	59	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 54	
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	50	trientine hcl 250 MG	57	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 54	
treprostinil SOLN IJ	38	trifluoperazine hcl TABS	34	tropicamide SOLN 0.5 %	61
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	16	trifluridine	61	tropicamide SOLN 1 %	61
TRESIBA SOLN	16	trihexyphenidyl hcl SOLN	32	trospium chloride CP24	66
tretinoin (chemotherapy)	31	trihexyphenidyl hcl TABS	32	trospium chloride TABS	66
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	41	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	TRUE COVER DEVI	54
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	41	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10		TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	47
tretinoin microsphere 0.1 %	41			TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	55
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24			TRULANCE	50
				TRULICITY	15
				TRUMENBA 0.5 ML	67
				TRUQAP TABS	30

TRUQAP TBPk	30	TYMLOS	48	VALSTAR (valrubicin)	28
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	54	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	38	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	54	TYVASO SOLN IN	38	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	11
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	54	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	38	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	11
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	54	UBRELVY 100 MG	56	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	55	UBRELVY 50 MG	56	vancomycin hcl CAPS	21
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	55	UDENYCA ONBODY SOSY	52	vancomycin hcl SOLR PO 50 MG/ML, 250 MG/5ML	21
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	55	UDENYCA SOAJ	52	VANFLYTA	30
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 55		UDENYCA SOSY	52	VAQTA	69
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	55	umeclidinium-vilanterol	10	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	69
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	55	UNITUXIN	25	varenicline tartrate TABS	64
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 55		UPTRAVI TABS 200 MCG	38	varenicline tartrate TBPk	64
TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC	55	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	38	VARIVAX SUSR	69
TRUXIMA 100 MG/10ML	25	UPTRAVI TITRATION TBPk	38	VARUBI (180 MG DOSE) TBPk ...	17
TRUXIMA 500 MG/50ML	25	ursodiol CAPS	50	VAXELIS SUSP	65
TUKYSA	25	ursodiol TABS	50	VAXELIS SUSY	65
TURALIO 125 MG	30	UVADEX	31	VAXNEUVANCE	67
TWINRIX SUSY	69	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	26	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	69
TWIRLA	39	valacyclovir hcl 1 GM	36	VECAMEYL	20
TYBLUME CHEW	39	valacyclovir hcl 500 MG	36	VECTIBIX 100 MG/5ML	26
TYBOST	35	VALCHLOR	43	VECTIBIX 400 MG/20ML	26
TYKERB (lapatinib ditosylate)	30	valganciclovir hcl TABS	36	VELCADE SOLR IJ (bortezomib) ..	30
		valproate sodium SOLN IV 100 MG/ML, 500 MG/5ML	13	VELPHORO	51
		valproic acid CAPS	13	VENCLEXTA STARTING PACK TBPk	25
		valrubicin	28	VENCLEXTA TABS	25
		valsartan TABS	19	venlafaxine hcl CP24	14
		valsartan-hydrochlorothiazide	20		

venlafaxine hcl TABS	14	VIZIMPRO	26	XELJANZ TABS 5 MG	2
venlafaxine hcl TB24	14	VONJO	30	XELJANZ XR TB24	2
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	37	VORANIGO	30	XELODA (capecitabine)	24
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	37	VORAXAZE	31	XEOMIN	60
verapamil hcl TABS	37	voriconazole TABS	18	XHANCE EXHU	60
verapamil hcl TBCR	37	VOSEVI	36	XIFAXAN 200 MG	21
VEREGEN	41	VOTRIENT (pazopanib hcl)	30	XIFAXAN 550 MG	21
VERZENIO	30	VYXEOS	28	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15
VIDAZA SUSR (azacitidine)	24	warfarin sodium TABS	10	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
vigabatrin PACK	13	water for irrigation, sterile	58	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
vigabatrin TABS	13	WELIREG	27	XOFIGO	31
VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WESTAB PLUS TABS	60	XOSPATA	30
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	55	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 50 MG	27
vinblastine sulfate SOLN	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	55	XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) 27	
vincristine sulfate	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	55	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 40 MG	27
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	55	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 60 MG	27
vinorelbine tartrate 50 MG/5ML	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	55	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) . 27	
VIRACEPT TABS 250 MG	35	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	55	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	27
VIRACEPT TABS 625 MG	35	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	55	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) . 27	
VIREAD POWD	35	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	55	XTANDI CAPS	27
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	35	XALKORI CAPS	30	XTANDI TABS	27
VISTOGARD	16	XALKORI CPSP	30	XULTOPHY	15
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	70	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		YERVOY	25
VITATHELY WITH GINGER TABS 60		XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban)	10		
VITRAKVI CAPS	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11		
VITRAKVI SOLN	30	XARELTO TABS 15 MG	11		
VIVIMUSTA SOLN	23	XATMEP SOLN PO	24		
		XELJANZ SOLN	2		
		XELJANZ TABS 10 MG	2		

YESINTEK 130 MG/26ML	50	ZEPZELCA	23
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	44	ZEVALIN Y-90	25
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	44	zidovudine CAPS	35
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	44	zidovudine SYRP	35
YONDELIS	23	zidovudine TABS	35
YONSA	27	zileuton TB12	9
YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3	ziprasidone hcl	33
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3	ZIRABEV	25
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3	ZIRGAN GEL	61
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	ZOLADEX 10.8 MG	27
zafirlukast	9	ZOLADEX 3.6 MG	27
zaleplon 10 MG	53	zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 48	
zaleplon 5 MG	53	ZOLINZA	31
ZALTRAP 100 MG/4ML	25	zolmitriptan SOLN	56
ZALTRAP 200 MG/8ML	25	zolmitriptan TABS	56
ZANOSAR	23	zolmitriptan TBDP	57
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolpidem tartrate TABS	53
ZARXIO	52	zolpidem tartrate TBCR	53
ZEJULA CAPS	31	zonisamide CAPS	13
ZEJULA TABS	31	ZONTIVITY	52
ZELBORAF	31	ZORBTIVE SC	48
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	47	ZYDELIG	31
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	47	ZYKADIA TABS	31
		ZYLET	61
		ZYTIGA 250 MG (abiraterone acetate)	27
		ZYTIGA 500 MG (abiraterone acetate)	27

Ambetter from Arizona Complete Health is underwritten by Health Net of Arizona, Inc. (dba Arizona Complete Health), which is a Qualified Health Plan issuer in the Arizona Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Health Net of Arizona, Inc. (dba Arizona Complete Health), AmbetterHealth.com/en/az. For information on your right to receive an Ambetter from Arizona Complete Health plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from Arizona Complete Health được bảo lãnh bởi Health Net of Arizona, Inc. (có tên thương mại là Arizona Complete Health). Đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Arizona. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Health Net of Arizona, Inc. (có tên thương mại là Arizona Complete Health), AmbetterHealth.com/en/az. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Arizona Complete Health mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.